

TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ

Nguyên tác: Pháp sư Tịnh Tông

Người dịch: Ngu Phu

Tịnh Độ tông thư tiếng Việt-Sách tùy thân- Hệ giáo nghĩa BT01

Tông chỉ tông Tịnh Độ

【越文淨土系列 教理隨身書】淨土宗宗旨

Nguyên tác	Pháp sư Tịnh Tông
Người dịch	Ngu Phu
Biên tập	Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Nơi xuất bản	Tịnh Độ Tông Văn Giáo Cơ Kim Hội
Địa chỉ	41, Alley 22, Lane 150, Sec.5, Shin-Yi Road, Taipei 11059, Taiwan
Điện thoại	+886-2-27580689
E-mail	amt@plb.tw

Printed in Taiwan in March 2021.

Ấn tống kinh sách miễn phí,
hoan nghênh nhận đọc, hoan nghênh hỗ trợ ấn tống.

— Nơi phiên dịch tại Việt Nam —

Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
Địa chỉ : Số 116, đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh,
quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 700 000
Điện thoại: + (84)366652268; +(84) 35782386
E-mail: bpdtnhdoavn@gmail.com

MỤC LỤC

TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ	7
Tông Tịnh Độ chính là tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.....	8
Nguồn gốc lịch sử của tông Tịnh Độ.....	10
Di-đà chỉ dạy, nhất nhất đều như kinh pháp.....	18
Chuyên y cứ tư tưởng Đại sư Thiện Đạo.....	19
Pháp mạch truyền thừa của tông Tịnh Độ.....	22
Mạng lưới nghiệp lực của thời đại.....	29
Giáo pháp quay trở về.....	31
Chỉ đề cập đến tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.....	33
Cốt lõi của tông Tịnh Độ.....	36
Tông chỉ thứ nhất: Tin nhận Di-đà cứu độ.....	37
Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.....	43
Niệm Phật vãng sanh nguyện.....	48
Sự phân công giữa Phật A-di-đà và chúng ta.....	60

Thí dụ cứu người bị nạn động đất: Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.	68
Tông chỉ thứ hai: Chuyên xưng Di-đà Phật danh.....	73
Miêng xưng danh hiệu Phật.....	77
‘Chuyên’	83
Tông chỉ thứ ba: Nguyên sanh Di-đà Tịnh Độ.....	90
Tông chỉ thứ tư: Độ khắp mười phương chúng sanh	91
BỐN ĐIỂM ĐẶC SẮC CỦA TÔNG TỊNH ĐỘ.....	93
Điểm đặc sắc thứ nhất: Bản nguyện xưng danh.....	95
Điểm đặc sắc thứ hai: Phạm phu nhập báo	99
Điểm đặc sắc thứ ba: Bình sanh nghiệp thành	104
Điểm đặc sắc thứ tư: Hiện sanh bất thoái.....	107
Ghi nhớ trong lòng	111
PHẦN PHỤ.....	113
Mười điều tâm niệm của người niệm Phật	114

TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ



Tông Tịnh Độ chính là tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo

Chúng tôi mong mọi người đều có quan niệm chính xác đối với ba chữ ‘tông Tịnh Độ’ này. Mọi người đều biết tông Tịnh Độ là một trong tám tông phái lớn của Phật giáo Đại thừa Trung Quốc. Nhưng nếu như chẳng hiểu rõ tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo thì dù có tên gọi tông Tịnh Độ, mà thực chất nội dung chẳng phù hợp, thì cũng là hữu danh vô thực. Sau Đại sư Thiện Đạo hơn một nghìn năm, chúng ta tuy có tông Tịnh Độ, nhưng trên thực tế thì thực chất nội hàm đều không được hoàn toàn hiển hiện.

Nói tông Tịnh Độ chính là tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo, vì rời tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo, hoặc trái nghịch, hoặc không phù hợp với tư tưởng Tịnh Độ của ngài thì chẳng phải là tông Tịnh Độ, chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh; phù hợp với tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo, nhất trí với giáo pháp

của Đại sư thì mới gọi là tông Tịnh Độ, cũng chính là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh.

Chúng ta tu trì pháp môn Tịnh Độ, nguyện sanh về Tịnh Độ Cực Lạc ở phương Tây, thì phải hy vọng ở pháp môn mà chúng ta đang tu trì, và nắm chắc pháp nghĩa thuần chánh có tính quyết định vãng sanh. Chúng ta đều hy vọng hành trì pháp môn Tịnh Độ thuần chánh. Thế nên, nếu muốn hiểu rõ tông chỉ của tông Tịnh Độ thì cần phải hiểu rõ tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.

Nguồn gốc lịch sử của tông Tịnh Độ

Tôi nói như thế, có người đặt câu hỏi: Tông Tịnh Độ có mười ba vị Tổ, vì sao chỉ chuyên y cứ vào một vị Tổ là Đại sư Thiện Đạo, và còn nói, phù hợp với Đại sư Thiện Đạo mới chính là tông Tịnh Độ, chẳng phù hợp thì gọi là hữu danh vô thực?

Xin đáp: Điều này có nguồn gốc lịch sử. Phật giáo từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, việc sáng lập tông Tịnh Độ có nhân duyên như thế này, nếu nói rõ ra thì mọi người sẽ không còn nghi vấn.

Phật giáo Trung Quốc là từ Ấn Độ truyền sang, nhưng tại Ấn Độ thì không có tám tông phái lớn, đương nhiên cũng không có tông Tịnh Độ. Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, tại Trung Quốc hình thành tám tông phái lớn. Tông Tịnh Độ là do Đại sư Thiện Đạo khai sáng vào đời Đường (thế kỷ VIII).

Đến đây sẽ có một nghi vấn, vì sao Phật giáo Ấn Độ không có nhiều tông phái mà sau khi đến

Trung Quốc mới hình thành các tông phái? Điều này có cần thiết chăng? Ấn Độ là quốc gia mà Đức Phật ứng hóa. Ngay lúc đầu Đức Phật thuyết pháp, nhờ oai đức, trí huệ của Phật và nhân duyên thiện căn của chúng sanh thuở ấy; đệ tử vây quanh Đức Phật đều có thiện căn thuần thực, có đại Bồ-tát, có bậc thánh A-la-hán. Giáo pháp của Đức Phật nói ra đều được hiểu chính xác, được truyền thừa chính xác. Thế nên, các Đại đệ tử, Bồ-tát, A-la-hán đem giáo pháp của Đức Phật nói, truyền trao cho nhau từ đời này sang đời khác. Ngôn ngữ, văn tự là ngôn ngữ, của văn tự Ấn Độ, Đức Phật lại được sanh ra tại quốc gia này, lại có các vị Bồ-tát, A-la-hán như thế truyền trao cho nhau; vì vậy, các ngài hiểu pháp nghĩa không sai lệch. Tu trì pháp môn Tịnh Độ theo kinh điển đều căn cứ vào nguyên lý giải thoát của Phật dạy mà tu, cho nên cũng không cần đặt vấn đề thành lập tông phái, do vì pháp mạch truyền thừa rất rõ ràng, lý giải pháp nghĩa rất chính xác, giáo pháp Đức Phật nói trong ba bộ kinh Tịnh Độ đều thuần chánh, không sai lệch được lưu truyền cho đời sau. Bởi vì

đó là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh cho nên chẳng cần phải kiến lập tông Tịnh Độ.

Phật giáo truyền đến Trung Quốc, ba bộ kinh nói về pháp môn Tịnh Độ là kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, kinh *A-di-đà* lần lượt được phiên dịch sang tiếng Trung Quốc và được lưu truyền rộng rãi đến ngày nay. Nhưng phải lý giải kinh *Vô Lượng Thọ* như thế nào? Phải lý giải kinh *Quán Vô Lượng Thọ* như thế nào? Phải lý giải kinh *A-di-đà* như thế nào? Người đọc ba bộ kinh này không có được sự tu hành thanh tịnh như các vị Bồ-tát, A-la-hán thuở xưa ở Ấn Độ thì tất nhiên đứng trên trình độ nhận thức của chính mình mà lý giải ba bộ kinh Tịnh Độ. Như thế thì sẽ sinh ra các kiến giải sai khác đối với ba bộ kinh này. Rõ ràng nhất là đối với bộ *Quán kinh*. *Quán kinh* tuy là kinh điển Tịnh Độ, nhưng vào thời của Đại sư Thiện Đạo và trước thời của Đại sư Thiện Đạo, các tông, các phái giải thích bộ kinh này rất nhiều, nhưng có sự sai khác trong các lời giải thích.

Tỷ như liên quan đến ‘cửu phẩm’ trong *Quán kinh*, Đại sư Huệ Viễn (chùa Tịnh Ảnh, đời Tùy,

thế kỷ VI) phán định cửu phẩm đặc biệt cao. Ngài cho rằng người Thượng phẩm thượng sanh là Bồ-tát từ Địa thứ tư đến Địa thứ bảy; người vãng sanh Thượng bối trung phẩm là Bồ-tát từ Địa thứ nhất đến Địa thứ tư; người vãng sanh Thượng bối hạ phẩm là Bồ-tát Địa tiền. Nói chung những người vãng sanh cửu phẩm đều là căn cơ của bậc thánh. Phán đoán như thế là căn cứ vào kinh điển riêng biệt, cho rằng người Thượng phẩm thượng sanh một khi đến thế giới Cực Lạc lập tức chứng ngộ Vô sanh pháp nhẫn của Địa thứ tám. Nói vị ấy lúc ở nhân địa tối thiểu là từ Địa thứ tư đến Địa thứ bảy, khi đến thế giới Cực Lạc liền tiến vào Địa thứ tám. Đây là cách giải thích của Đại sư Huệ Viễn.

Tông Thiên Thai cũng có cách giải thích của tông Thiên Thai đối với *Quán kinh*. Giải thích rằng vãng sanh có bốn độ: Phạm phu vãng sanh đến Phạm thánh đồng cư độ, A-la-hán vãng sanh đến Phương tiện hữu dư độ, Bồ-tát vãng sanh đến Thật báo trang nghiêm độ, bản thân Phật trụ tại Thường tịch quang Tịnh Độ. Đây là cách giải thích của tông Thiên Thai.

Các sư trong tông Nhiếp Luận thì cho rằng, phàm phu vốn chẳng thể vãng sanh đến Báo độ Cực Lạc của Phật A-di-đà. *Quán kinh* nói, chúng sanh hạ phẩm niệm Phật vãng sanh, các vị ấy phán là ‘biệt thời ý’, chính là nói, niệm một vài câu danh hiệu Phật có thể vãng sanh, kinh điển nói như thế là để khích lệ chúng ta, chứ thật ra những kẻ này không thể vãng sanh mà phải đợi sau nhiều đời nhiều kiếp, nhân duyên thiện căn thuần thực, công đức tích lũy đầy đủ rồi thì mới được vãng sanh.

Trong điều kiện lịch sử thời bấy giờ, tuy có nhiều người chú giải kinh điển Tịnh Độ, nhưng họ giải thích với nhiều quan điểm khác nhau. Nếu y cứ vào các lời giải thích ấy thì có thể nói là không có pháp môn cho chúng ta tu tập. Do các lời giải thích ấy lý giải chỉ với căn cơ của các bậc thánh Bồ-tát, A-la-hán mới có thể tu trì, phàm phu chúng ta chỉ có thể ‘biệt thời ý’, hạng căn cơ bậc hạ thì làm sao có thể tu trì pháp môn Tịnh Độ?

Trong hoàn cảnh này, cần phải có pháp môn Tịnh Độ thuần chánh, cần phải hiển bày tông chỉ

pháp môn Tịnh Độ, cần phải kiến lập một hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh để hoằng dương chính xác pháp môn Tịnh Độ, cần phải giải thích ba bộ kinh Tịnh Độ do Đức Phật Thích-ca-mâu-ni thuyết, pháp mạch thanh tịnh của các vị Bồ-tát, A-la-hán truyền thừa hoàn chỉnh, chính xác tại Trung Quốc. Nếu không có pháp mạch thanh tịnh truyền thừa, mỗi người cứ giữ chặt lấy cách lý giải của mình, thì mọi người vẫn không tìm ra phương hướng rõ ràng.

Vào đầu đời Đường (thế kỷ VII), có Đại sư Thiện Đạo, là hóa thân của Phật A-di-đà tại thế gian này, viết bộ *Quán kinh tứ thiếp sơ* chói sáng cổ kim, khai định cổ kim.

Quán kinh tứ thiếp sơ là bảo điển căn bản nhất của Đại sư Thiện Đạo kiến lập tông Tịnh Độ. Đại sư dùng bốn chữ ‘khai định cổ kim’ để hình dung tính trọng yếu của bộ trú tác này. Nguyên văn:

*Tôi nay muốn sơ (giải thích) Quán kinh,
khai định cổ kim.*

‘Khải định cổ kim’ là gì? Chính là nói, người tu hành trong các tông, các phái cổ kim có các học giả, thiện tri thức tuy giải thích kinh điển Tịnh Độ, nhưng giải thích không hoàn chỉnh, không thuần túy, có chỗ sai lệch, có chỗ nhầm lẫn. Giải thích như thế, không thể hiển bày được bản nguyện của Phật A-di-đà, đưa đến chúng sanh không được cứu độ, không được vãng sanh.

Thế nên, Đại sư Thiện Đạo chính là hóa thân của Phật A-di-đà từ Tịnh Độ Cực Lạc ở phương Tây, hóa thân đến uế độ Ta-bà viết bộ *Quán kinh tứ thiếp số*, đem những quan niệm chẳng chính xác, có sai lệch, uốn nắn lại cho đúng. ‘Khải’ là quy phạm, mẫu mực, chính là tiêu chuẩn. ‘Định’ là quyết định. Trước thời Đại sư Thiện Đạo thì gọi là ‘cổ’, chính là các kinh sách trước Đại sư Thiện Đạo; đồng thời với Đại sư Thiện Đạo thì gọi là ‘kim’. Ngài đem các quan niệm chưa chính xác, chưa thuần túy, sai lệch sửa lại cho đúng, phán định cái gì chính xác, cái gì chưa chính xác, đây gọi là ‘khải định cổ kim’.

Do đó chúng ta biết, lý do kiến lập tông Tịnh Độ là vì những người tu hành của các tông, các phái lý giải giáo điển Tịnh Độ sai lệch, không y cứ vào nguyên ý của ba bộ kinh Tịnh Độ do Đức Phật Thích-ca-mâu-ni thuyết, không y cứ vào tông chỉ của bản nguyện Phật A-di-đà, không y cứ vào sự truyền thừa thanh tịnh của Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Thiên Thân ở Ấn Độ mà lại y cứ vào tư tưởng theo đường lối chung của kinh điển trong tông phái khác để giải thích Tịnh Độ, vì thế mà sanh ra nhầm lẫn. Trong tình cảnh ấy, Đại sư Thiện Đạo xuất hiện ở thế gian, khai định cổ kim, chỉ đúng phương hướng.

Di-đà chỉ dạy, nhất nhất đều như kinh pháp

Lúc Đại sư Thiện Đạo viết *Quán kinh số*, mỗi đêm đều có một vị thánh tăng, trong mộng chỉ dạy ngài về huyền nghĩa khoa văn, ‘câu này phải viết như thế này, câu này phải giải thích như thế này...’. Người trong mộng này là ai? Chính là Phật A-di-đà. Thế nên, bộ số này còn được gọi là ‘Di-đà chỉ thọ’. *Quán kinh tứ thiếp số* không giống các bộ chú số *Quán kinh* khác là vì do hóa thân Di-đà đích thân đến chỉ điểm, tức là hóa thân Di-đà đích thân đến chứng minh, là tác phẩm khai định cổ kim.

Chuyên y cứ tư tưởng Đại sư Thiên Đạo

Do có quá nhiều tông phái hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, các Đại đức tông Thiên Thai cũng hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, các Đại đức tông Hoa Nghiêm cũng hướng về Tịnh Độ, Đại sư Khuy Cơ, Tổ tông Duy Thức cũng trú tác *A-di-đà kinh tán* giải thích kinh *A-di-đà*. Vậy thì trong lúc chúng sanh đang phân vân, chúng ta rốt cuộc y cứ vào ai?

Nếu chúng ta tu trì pháp môn Tịnh Độ mà y cứ vào giáo lý tông Thiên Thai thì thuần chánh hay chẳng thuần chánh? Chẳng thuần chánh. Lý luận cần phải kết hợp với thực tiễn, cần phải phù hợp với thực tiễn. Chúng ta tu tập pháp môn Tịnh Độ mà giáo lý y cứ chẳng phải là giáo lý Tịnh Độ, lại là giáo lý tông Thiên Thai thì thử hỏi có phải là sai lầm hay không? Như thế là chẳng thuần túy. Nếu chúng ta tu trì pháp môn Tịnh Độ mà y cứ vào tông Thiên Thai, tông Hoa Nghiêm, tông Duy Thức, y cứ vào Bát-nhã không quán, y cứ vào

quan niệm của Thiên thì đây chẳng thuần chánh là pháp môn Tịnh Độ.

Chúng ta cần phải biết, tu trì pháp môn Tịnh Độ phải nên y cứ vào tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo, Tổ sư khai tông của tông Tịnh Độ, cũng tức là y cứ vào tư tưởng thuần chánh theo pháp mạch của của tông Tịnh Độ. Như thế mới ổn thỏa, mới thuần túy, mới chẳng thiên lệch. Như tôi vừa nói, căn cơ được pháp môn Tịnh Độ tiếp nhận, nếu đúng như lời giải thích của Đại sư Huệ Viễn đời Tùy thì chúng ta đều không đạt đến. Trong *Quán kinh sớ*, Đại sư Thiện Đạo dẫn dụng văn kinh và các thứ đạo lý để chứng minh Đức Phật thuyết bộ *Quán kinh* là ‘chỉ vì phàm phu, chẳng vì bậc thánh’, là ‘cửu phẩm đều là phàm phu’. Đại sư Thiện Đạo nói:

Tất cả phàm phu thiện ác được vãng sanh đều lấy sức đại nguyện của Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên.

‘Tất cả phàm phu thiện ác’ nghĩa là ba phẩm của bậc thượng là phàm phu thiện Đại thừa, trung

phẩm thượng sanh và trung phẩm trung sanh là phàm phu thiện Tiểu thừa, trung phẩm hạ sanh là phàm phu thiện thế gian, ba phẩm bậc hạ là phàm phu tạo tội. Tóm lại, cửu phẩm đều là phàm phu.

Qua sự giải thích này, quyết định tiêu chuẩn như thế, chúng ta mới cảm thấy mình có phần vãng sanh. Nếu yêu cầu phải có đủ căn cơ của bậc thánh, thì pháp môn này chúng ta học không nổi. Vì thế, trong *Quán kinh sớ*, Đại sư Thiện Đạo khai hiển pháp nghĩa chân thật của tông Tịnh Độ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Sau khi Đại sư Thiện Đạo đề xuất quan điểm này, người hoằng dương Tịnh Độ đời sau không còn nói cửu phẩm là thánh nữa mà đều nhấn mạnh cửu phẩm là phàm phu.

Tóm lại, hành pháp vãng sanh Tịnh Độ, phải nên tu trì như thế nào? Các tông, các phái giải thích không như nhau. Vì thế chúng ta cần phải biết: Tông Tịnh Độ chính là tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.

Pháp mạch truyền thừa của tông Tịnh Độ

Tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo sở dĩ hình thành pháp mạch Tịnh Độ thuần chánh, chẳng những vì ngài là hóa thân của Phật A-di-đà, Di-đà chỉ dạy, khái định cổ kim, mà đồng thời ngài cũng có pháp mạch truyền thừa thanh tịnh.

Trong số các Tổ sư Tịnh Độ tại Trung Quốc, trừ pháp hệ của Đại sư Thiện Đạo ra, các Tổ sư khác đều không có quan hệ truyền thừa, mà đều là căn cứ vào trí huệ của chính mình, căn cứ vào sự tu hành tâm đức của chính mình, căn cứ vào cách lý giải Phật pháp của chính mình để giải thích pháp môn Tịnh Độ.

Đại sư Thiện Đạo thì không giống như vậy, ngài giải thích ba bộ kinh Tịnh Độ là đứng trên lập trường bản nguyện của Phật A-di-đà. Quan điểm này được truyền từ đâu? Từ Đại sư Đạo Xước. Trong *An lạc tập*, Đại sư Đạo Xước cũng đã lấy Di-đà bản nguyện làm lập trường của ngài. Đại sư Đạo Xước được truyền thừa từ ai? Được truyền

từ Đại sư Đàm Loan. Đại sư Đàm Loan có một trứ tác rất nổi tiếng là *Vãng sanh luận chú*, ngài hoàn toàn triệt để thuần túy lấy bản nguyện của Phật A-di-đà để giải thích ý nghĩa trọng yếu của pháp môn Tịnh Độ. Điều này, mọi người xem *Vãng sanh luận chú* đều sẽ thấy rõ. Đại sư Đàm Loan được truyền thừa từ ai? Đại sư Đàm Loan là người sống vào đời nhà Lương thuộc Nam Bắc Triều (thế kỷ VI), ngài đã từng gặp Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi từ Ấn Độ sang, ngài được trực tiếp truyền thừa từ Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi về cách giải thích Tịnh Độ của Bồ-tát Thiên Thân và Bồ-tát Long Thọ, đây là pháp mạch thanh tịnh. Trứ tác của Bồ-tát Thiên Thân là *Vãng sanh luận* trong ‘Tịnh Độ tam kinh nhất luận’. Vì thế, pháp mạch truyền thừa của Đại sư Đàm Loan rất rõ ràng, thông qua Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi, ngài tiếp nhận *Vãng sanh luận* của Bồ-tát Thiên Thân, đồng thời tìm về *Dị hành phẩm* của Bồ-tát Long Thọ. Đại sư Đàm Loan chú giải *Vãng sanh luận* của Bồ-tát Thiên Thân, soạn thành *Vãng sanh luận chú*. Mở đầu *Vãng sanh luận chú*, ngài dẫn dụng *Dị hành phẩm* của Bồ-tát Long Thọ phán định Dị hành đạo và Nan hành đạo để

phán định bộ *Vāṅ sanh luận* là pháp môn Di hành đạo, là pháp môn đi thuyền, là pháp môn tha lực như đi thuyền thuận gió, một mạch đến chỗ bất thoái, thành Phật.

Các đời truyền thừa như thế, tư tưởng rõ ràng, pháp nghĩa hoàn toàn một mạch nối nhau thì chỉ có hệ thống này của Đại sư Thiện Đạo mà thôi.

Như cách giải thích của Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích thời nhà Minh, Đại sư Trí Giả đời Tùy đều không có tư tưởng này, không có pháp mạch truyền thừa này, cũng không đứng trên lập trường bản nguyện tha lực của Phật A-di-đà để giải thích ba bộ kinh Tịnh Độ. Vì thế, tuy các vị thiện tri thức của các tông, các phái tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, đều có tác dụng làm nổi bật pháp môn Tịnh Độ, phổ cập pháp môn Tịnh Độ. Nhưng nói đến pháp nghĩa thuần chánh thì trừ hệ thống này của Đại sư Thiện Đạo ra, các quan điểm khác đều chẳng phải pháp môn Tịnh Độ thuần chánh, cho nên không có tư cách xưng là tông Tịnh Độ.

Tôi nói như thế, nếu như người không có trình độ nghiên cứu sâu về giáo lý, giáo sử, thì mới nghe qua một lần khó tiếp nhận, khó chuyển hướng.

Ví như nói ‘giáo tông Thiên Thai, hạnh quy Tịnh Độ’, nếu người học giáo lý thường thường nghe nói như thế, là có ý gì? Chính là nói, mục đích tu hành của người ấy là cầu sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây, vậy người ấy tu hành là tu hành pháp môn Tịnh Độ; giáo lý của người ấy vâng theo thì lấy lý luận chỉ đạo của tông Thiên Thai làm tiêu chuẩn, đó là nghĩa ‘giáo tông Thiên Thai, hạnh quy Tịnh Độ’. ‘Tông’ là tông chỉ, tiêu chuẩn, đây hiển nhiên là pháp môn Tịnh Độ của tông Thiên Thai, chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ của tông Tịnh Độ, cũng hiển nhiên chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh.

Hoặc có người ‘giáo tông Hoa Nghiêm, hạnh quy Tịnh Độ’, hoặc có người ‘giáo tông Bát-nhã, hạnh quy Tịnh Độ’, hoặc có người Mật Tịnh song tu, hoặc có người Thiền Tịnh song tu, hoặc có người Thai Tịnh song tu. Nói chung, các trạng

huống ấy đều chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ thuần túy bất tạp.

Vì sao lại xuất hiện các trạng huống ấy? Nhân vì vào đời Đường có phát sanh sự kiện pháp nạn Phật giáo (Đường Võ Tông diệt Phật, diệt pháp). Trải qua sự kiện pháp nạn lần này, rất nhiều kinh điển bị thất lạc, như *Quán kinh số* của Đại sư Thiện Đạo, *Vãng sanh chú* của Đại sư Đàm Loan, *An lạc tập* của Đại sư Đạo Xước v.v... đều bị thất truyền ở Trung Quốc. Hơn một nghìn năm nay, người muốn tu trì pháp môn Tịnh Độ không có một hệ thống giáo điển của tông Tịnh Độ để tham khảo, chỉ có thể tham khảo pháp môn Tịnh Độ của tông Thiên Thai, tông Hoa Nghiêm hành trì, mà không có biện pháp ‘giáo tông Tịnh Độ, hạnh quy Tịnh Độ’. Đó là vì giáo điển của tông Tịnh Độ thuần chánh hoàn chỉnh ở Trung Quốc đã bị thất truyền. *Quán kinh số* không còn, *Vãng sanh luận chú* cũng không còn, khi đó chỉ biết tham khảo Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Duy Thức, Luật tông, Thiền tông, Mật tông mà thôi. Ngoài ra các vị thiện tri thức của các tông, các phái lúc hoằng dương Tịnh Độ chẳng tránh khỏi dùng giáo lý của tông mình

và sự thể ngộ của mình để giải thích Tịnh Độ. Vì thế, Phật giáo lại quay về cục diện trước khi Đại sư Thiện Đạo sáng lập tông Tịnh Độ.

Hơn một nghìn năm nay tuy có pháp môn Tịnh Độ, nhưng đều chẳng thuần chánh, nhân vì pháp mạch mất sự truyền thừa. Tuy có pháp môn Tịnh Độ, nhưng không có tông Tịnh Độ, do vì kinh điển kiến lập tông phái đã bị thất truyền.

Chúng ta thật may mắn, có phước báo! Hơn một nghìn năm nay, biết bao thiện tri thức, biết bao người tu hành đều không có cơ duyên tiếp xúc với tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo, mà hôm nay chúng ta được tiếp xúc đến. Đây là vì khoảng hơn một trăm năm trước, ‘ngũ bộ cửu quyển’ (*Quán kinh* số 4 quyển, *Quán niệm pháp môn* 1 quyển, *Pháp sự tán* 2 quyển, *Bát-chu tán* 1 quyển, *Vãng sanh lễ tán* 1 quyển) của Đại sư Thiện Đạo, *Vãng sanh luận chú* của Đại sư Đàm Loan từ Nhật Bản được đưa trở về Trung Quốc. Nhờ một đoạn nhân duyên lịch sử này, hôm nay chúng ta mới được xem thấy!

Tuy các tác phẩm kể trên được quay trở về Trung Quốc, nhưng trong thời gian một trăm năm này, tại Trung Quốc có nhiều tai nạn như là bát quốc liên quân xâm lược, đất nước Trung Hoa trở thành thuộc địa của thực dân, bị các nước khác xem thường, nhân dân khốn khổ. Trong tình huống như thế thì nói gì đến giáo pháp lưu bố? Nói gì đến nghiên cứu kinh điển? Tiếp theo là quân phiệt hỗn chiến, kháng chiến chống Nhật, chiến tranh giải phóng; sau khi giải phóng đã an định thì lại gặp phải một cuộc đại cách mạng văn hóa. Khoảng hai ba mươi năm gần đây, quốc gia tương đối an định, đất nước hùng mạnh, dân tộc tự tin hơn, nên mới có đủ bình tâm nghiên cứu giáo lý, giáo nghĩa.

Vào thời đại này, người nghiên cứu tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo rất cụ thể, triệt để là pháp sư Huệ Tịnh. Ngài đem tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo trình bày ra một cách hoàn chỉnh, biên dịch lưu bố cho mọi người, nhờ đó chúng ta mới được xem thấy. Vì thế, trong thời đại này chúng ta được tu trì pháp môn Tịnh Độ, quả thật là vô cùng có phước báo.

Mạng lưới nghiệp lực của thời đại

Hiện tại ngay thời đại này, chúng ta cảm thấy việc đời bận rộn, không đạt đến tâm thanh tịnh, không đạt đến thiền định thanh tịnh, khai phát trí huệ. Nếu vẫn cứ theo yêu cầu của hơn một nghìn năm đến nay, nghĩa là ‘tuy xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, còn cần phải có công phu thiền định, khai phát trí huệ, niệm Phật như thế thì mới có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây’. Vào thời trước, dân tình thuần phác, đại khái có thể làm đến được, còn thời đại ngày nay, chúng ta không thể làm được.

Tôi nghĩ, chúng ta đang ngồi ở đây nghe tiếng chuông điện thoại di động vang lên, chúng ta có thể tưởng tượng cách đây vài năm, lúc mọi người đang nghe pháp, có cần gọi điện thoại di động đâu? Điện thoại di động chính là một cái lưới nghiệp lực của thế giới Ta-bà này, là nghiệp lực được vật chất hóa, bạn đi đến đâu cũng không thoát khỏi nó, dù cho bạn ở trong núi sâu, trên trời cũng có lưới, dưới đất cũng có lưới, mạng lưới điện thoại,

mạng lưới máy tính (internet) đem nghiệp lực trói buộc bạn đến cùng một chỗ.

Chúng sanh ở thời đại này bị mạng lưới nghiệp lực nhiều tầng khổng chế chặt chẽ. Chúng ta muốn dựa vào sức của mình để tìm cầu giải thoát thì cũng giống như con ruồi bị sa vào lưới nhện, càng cố đập cánh vùng vẫy thì càng bị buộc chặt. Trong khi chúng ta đâu phải chỉ bị một mạng lưới mà nhiều lớp mạng lưới đan với nhau trói buộc chúng ta ở trong đó. Người ở vào thời đại này muốn dựa vào sự tu hành của chính mình để ra khỏi luân hồi là điều vốn không thể được!

Giáo pháp quay trở về

Đến thời đại này, nếu tư tưởng Tịnh Độ thuần chánh của Đại sư Thiện Đạo không xuất hiện trở lại thì chúng ta chỉ biết khóc mà không còn nước mắt.

Phật, Bồ-tát muốn cứu độ chúng sanh, có vô lượng trí huệ phương tiện, có vô lượng từ bi thiện xảo, thấy chúng ta có căn cơ như thế, nhân duyên đã thành thực, giáo pháp của Đại sư Thiện Đạo quay trở lại Trung Quốc, nhờ đó chúng ta mới được tiếp xúc.

Nếu mọi người xem một loạt từng thư do chùa Hoằng Nguyên¹ xuất bản, nghe một loạt đĩa CD do chùa Hoằng Nguyên xuất bản, mọi người được tiếp xúc như thế, chính là tiếp xúc tư tưởng tông Tịnh Độ thuần chánh, chính là pháp mạch Tịnh

¹ Chùa Hoằng Nguyên tọa lạc ở núi Kinh Đình, Tuyên Thành, tỉnh An Huy, Trung Quốc.

Độ thuần chánh, cũng tức là tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.

Chúng ta chuyên y cứ vào Đại sư Thiện Đạo, chỉ cần pháp nghĩa nào phù hợp với tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo thì chúng ta tiếp nhận hết, tuyên dương hết. Nếu pháp nghĩa nào không nhất trí với tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo thì chúng ta chẳng tiếp nhận, đây là tiêu chuẩn. Chỉ cần căn cứ vào tiêu chuẩn này thì vãng sanh không cần phải lo, chúng ta rất an tâm, rất sung sướng, tràn trề pháp hỷ. Nếu chẳng như thế thì pháp nghĩa chẳng thuần chánh, người tu trì sẽ phát khởi lo âu vì không chắc được vãng sanh.

Chỉ đề cập đến tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo

Ba chữ ‘tông Tịnh Độ’ này hàm nghĩa rất sâu sắc. Tông Tịnh Độ, chẳng phải nói chung về tư tưởng của mười ba vị Tổ sư Tịnh Độ². Tư tưởng của mỗi vị Tổ trong mười ba vị Tổ chẳng giống nhau. *Di-đà số sao* của Đại sư Liên Trì, *Di-đà yếu giải* của Đại sư Ngẫu Ích, các ngài giải thích kinh *A-di-đà* không giống nhau. Nếu như nhau thì Đại sư Ngẫu Ích không cần phải viết *Di-đà yếu giải*. Đại sư Ngẫu Ích dùng giáo lý tông Thiên Thai giải thích kinh *A-di-đà*, Đại sư Liên Trì căn cứ vào lý luận của tông Hoa Nghiêm giải thích kinh *A-di-đà*. Trong cách giải thích của các ngài có rất nhiều

² Mười ba vị Tổ của tông Tịnh Độ: 1. Lô sơn Huệ Viễn, 2. Đại sư Thiện Đạo, 3. Thừa Viễn, 4. Pháp Chiếu, 5. Thiếu Khang, 6. Vĩnh Minh Diên Thọ, 7. Tĩnh Thường, 8. Liên Trì Châu Hoàng, 9. Ngẫu Ích Trí Húc, 10. Hành Sách, 11. Tĩnh Am, 12. Tế Tĩnh, 13. Ấn Quang.

điểm đặc sắc, như có rất nhiều điều trong *Di-đà yếu giải* đánh động lòng người, khái phát cho chúng ta, nhưng Đại sư Ngẫu Ích chẳng y cứ vào giáo lý tông Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo. Vì sao? Vì ngài chưa từng thấy qua, không có cơ hội tham khảo. Vì thế từ đời Tống đến đời Thanh, hơn một nghìn năm, các sách của các vị Tổ hoàng dương Tịnh Độ đều không có dẫn dụng các trứ tác của Đại sư Thiện Đạo, *Vãng sanh luận chú* của Đại sư Đàm Loan, *An lạc tập* của Đại sư Đạo Xước. Như thế thì đâu có thể gọi là tông Tịnh Độ thuần chánh được.

Hướng chi, trong mười ba vị Tổ ấy, có vị xuất thân từ tông Thiên Thai, có vị xuất thân từ tông Hoa Nghiêm, có vị xuất thân từ Thiên tông như Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ là Tổ sư Thiên tông, ngài lại hoàng dương Tịnh Độ. Các vị Tổ ấy cũng không có tư tưởng phái mang tính hệ thống của tông Tịnh Độ.

Vì thế, tông Tịnh Độ được nói đến ở đây, chẳng phải nói chung đến mười ba vị Tổ, vì giữa các ngài, pháp mạch truyền thừa không rõ ràng,

đều là dùng tư tưởng của các tông, các phái để giải thích Tịnh Độ.

Tông Tịnh Độ được nói ở đây, chỉ đề cập tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo. Đây là hệ thống pháp mạch truyền thừa rõ ràng từ Đức Phật Thích-ca xuống Bồ-tát Long Thọ, Bồ-tát Thiên Thân, qua Bồ-đề Lưu-chi, Lưu-chi từ Ấn Độ sang Trung Quốc truyền cho Đàm Loan, Đàm Loan truyền cho Đạo Xước, Đạo Xước truyền cho Đại sư Thiện Đạo. Trên mặt tư tưởng, một mạch truyền thừa, không có sai lệch, đều là nhất trí, một mạch quán thông, đều đứng trên lập trường bản nguyện của Phật A-di-đà để giải thích, đây đều là nhất thể, đây chính là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh.

Tông Tịnh Độ lấy tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo làm tiêu chuẩn, ‘khải định cổ kim’ tức là tiêu chuẩn. Hễ giáo nghĩa nào phù hợp với tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo thì tiếp nhận, nếu không phù hợp thì gác qua một bên. Chúng ta chuyên tu Tịnh Độ thì chúng ta phải y cứ vào tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo.

Cốt lõi của tông Tịnh Độ

Giáo lý của tông Tịnh Độ rất rộng, kinh điển có ba bộ, chú tác của các Tổ sư Ấn Độ, Trung Hoa giải thích ba bộ kinh này rất nhiều như trên đã nói, có bao nhiêu Tổ sư giải thích thì có bấy nhiêu pháp nghĩa, vậy rốt cuộc cốt lõi của tông Tịnh Độ ở đâu? Vì thế cần phải nêu ra tông chỉ của tông Tịnh Độ.

Tông chỉ tức là cốt lõi, là nòng cốt mang tính cương lĩnh, không thể cải biến, không thể thêm bớt, không thể thương lượng. Tông chỉ này mang tính căn bản, tính nguyên tắc, không thể cải biến, vì thế gọi là tông chỉ.

Giáo nghĩa của tông Tịnh Độ nhiều như thế, vậy rốt cuộc cốt lõi ở đâu? Tông chỉ tông Tịnh Độ, được pháp sư Huệ Tịnh tóm tắt thành bốn câu:

*Tin nhận Di-đà cứu độ,
Chuyên xưng Di-đà Phật danh,
Nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ,
Độ khắp mười phương chúng sanh.*

Tông chỉ thứ nhất: Tin nhận Di-đà cứu độ

Tông chỉ thứ nhất **Tin nhận Di-đà cứu độ** là nói pháp môn Tịnh Độ là pháp môn cứu độ của Đức Phật A-di-đà.

Phật giáo lấy từ bi làm đặc điểm, đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn. Vì thế, nói chung, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni xuất hiện ở thế gian là vì muốn cứu độ chúng sanh. Như trong *kinh Pháp hoa* nói ‘ba cõi không yên, giống như ngôi nhà đang bị cháy’, nếu không có Phật Thích-ca-mâu-ni xuất hiện ở thế gian thì chúng ta không có biện pháp ra khỏi nhà lửa lục đạo³. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đến thế gian này chính là muốn cứu chúng sanh đang bị luân hồi trong lục đạo.

³ **Lục đạo:** Tức là sáu đường ở thế gian mà chúng sanh phải thọ sanh: 1. Trời, 2. Người, 3. A-tu-la, 4. Súc sanh, 5. Ngạ quỷ, 6. Địa ngục.

Nhưng tám vạn bốn nghìn pháp môn do Đức Phật nói ra, đặc điểm đều riêng khác nhau, giống như chúng ta bị kẻ địch bao vây, vô cùng nguy cấp, bàng hoàng không nhúc nhích, mà có người đến cứu, cho chúng ta một phương pháp giống như cho chúng ta một thứ vũ khí. Nếu kẻ thân thể cường tráng, kẻ ấy đang lúc tay không, nay lại cầm vũ khí, lại có sức mạnh thì có thể đột phá vòng vây, tự mình có thể thoát khỏi hoàn cảnh nguy hiểm. Đây là dù cho có người đến cứu kẻ ấy, nhưng kẻ ấy cũng tự có thể cứu mình, vì kẻ ấy cầm vũ khí, tự mình có thể đột phá vòng vây.

Ngoài ra còn có một hạng người, thân thể rất yếu, không có sức mạnh, dù đưa cho vũ khí, kẻ ấy cũng không thể sử dụng, vì cầm không nổi. Người đến cứu chỉ cần nói: “Anh hãy đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh, thậm chí vác anh lên vai”, như thế thì mới vượt qua được vòng vây, thoát cảnh nguy hiểm. Người thứ hai này, có thể nói là hoàn toàn thuần túy, triệt để được cứu độ.

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni đến thế gian này giảng nói tám vạn bốn nghìn pháp môn, trừ pháp

môn Tịnh Độ này ra, các pháp môn khác đều là tự cứu, đều là Phật Thích-ca-mâu-ni cấp cho chúng ta vũ khí giới định huệ. Vũ khí giới định huệ này chúng ta có cầm nổi hay không? Giống như thanh đao Thanh long yển nguyệt nặng hơn tám mươi cân của Quan Công, tuy sắc bén, nhưng chúng ta cầm không nổi, chúng ta không sử dụng được mà có cố cầm thì chỉ thêm phiền phức. Nếu thân thể chúng ta cường tráng, lại có thể sử dụng tự tại thì mới có thể đột phá vòng vây.

Vòng vây đại biểu cho cái gì? Chúng ta bị các thứ nghiệp chướng do chúng ta gây tạo từ đời quá khứ và hiện tại bao vây, Đức Phật Thích-ca-mâu-ni cấp phát cho chúng ta tám vạn bốn nghìn vũ khí giới định huệ, mỗi người một món. Chúng ta được cấp phát ngũ giới, thập giới, Bồ-tát giới, các môn thiền định, các pháp khai ngộ, giới định huệ đều có, nhưng chúng ta có cầm nổi hay không? Có người nói, tôi trì ngũ giới không nổi, ăn chay không nổi. Đa số người đời không có sức tu trì ngũ giới, ăn chay. Đồng thời, mục đích tu trì giới định huệ là đạt đến diệt trừ tham sân si, điều này lại càng khó, khó chồng thêm khó. Nếu như người

có sức mạnh giống như các vị Đại đức Tổ sư thì có thể dùng vũ khí giới định huệ chặt đứt phiền não tham sân si, đánh bại nghiệp tập phiền não tham sân si, thì có thể dựa vào tự lực, tự mình cứu mình, lúc đó Đức Phật để cho người ấy tự cứu bản thân ra khỏi luân hồi. Nhưng nói một cách nghiêm túc, ngũ giới chúng ta còn trì không nổi thì nói chi đến Bồ-tát giới, nói đến Bồ-tát giới thì càng thẹn thùng, Bồ-tát giới cần phải phát Bồ-đề tâm, mới thành Bồ-tát.

Bồ-đề tâm của chúng ta so ra giá trị không bằng năm hào. Vì sao nói giá trị không bằng năm hào? Vì chúng ta vốn không có Bồ-đề tâm. Ở trong Phật đường phát tâm, đọc theo thời khóa ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành’, đọc xong rồi xếp bản kinh lại, ra cửa xách giỏ đi mua rau. Tỷ như nói một cân rau này giá hai đồng rưỡi, bạn trả hai đồng, bớt đi năm hào của người bán. Như thế, Bồ-đề tâm giá trị chẳng bằng năm hào, nhân vì bạn là người phát Bồ-đề tâm, bạn bớt đi năm hào thì hai đồng rưỡi chỉ còn

thành hai đồng. Vì thế, chúng ta muốn nương tựa vào Bồ-đề tâm của chúng ta, thì chúng ta không đủ sức.

Muốn dựa vào trì giới, thì chúng ta cũng không có giới luật thanh tịnh; muốn dựa vào thiền định thì chúng ta đều tán loạn.

Chúng sanh như thế, cho nên pháp môn này của Đức Phật A-di-đà mới thể hiện một cách triệt để nét đặc sắc cứu độ, đại từ đại bi thể hiện ra tại pháp môn này. Người phát không nổi Bồ-đề tâm, không thể trì giới thanh tịnh, không thể có công phu thiền định, không thể khai trí huệ, tức là chúng ta, không cầm nổi tám vạn bốn nghìn vũ khí giới định huệ; lúc ấy cần phải có người vác chúng ta lên vai xông ra khỏi vòng vây.

Chúng ta niệm Nam-mô A-di-đà Phật, Phật A-di-đà vác chúng ta lên vai, dùng thanh kiếm bén sáu chữ danh hiệu Ngài, nghĩa là chúng ta chỉ cần xưng danh hiệu Ngài, Đại sư Thiện Đạo nói: “Kiếm bén tức là danh hiệu Phật A-di-đà, một tiếng xưng niệm, tội đều tiêu trừ”. Chỉ cần chúng

ta niệm Nam-mô A-di-đà Phật, chẳng cần chúng ta tự đoạn phiền não, Đức Phật A-di-đà lập tức dùng kiếm báu dẹp sạch, dùng vô lượng ánh sáng chiếu tan nghiệp chướng quá khứ hiện tại của chúng ta, chặt đứt sanh tử trôi buộc, trực tiếp cứu chúng ta ra khỏi sự bao vây của ba cõi.

Chỉ có sự cứu độ của bản nguyện Di-đà, sự cứu độ hoàn toàn tha lực mới có thể biểu hiện cái ý cứu độ một cách hoàn chỉnh.

Chúng ta không thể dựa vào sức của chính mình để tự cứu. Trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, các pháp môn khác đều là tự lực (tự mình cứu mình). Pháp môn Tịnh Độ này là Phật Di-đà cứu chúng ta, vì thế gọi là ‘tin nhận Di-đà cứu độ’.

Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện

Trừ Phật A-di-đà phát bốn mươi tám đại nguyện cứu độ chúng ta, các pháp môn khác đòi hỏi chúng ta phải đạt đến một điều kiện nào đó, một tiêu chuẩn nào đó, nhưng sự cứu độ của Phật A-di-đà có thể dùng ba từ để hình dung: Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.

Thế nào là chủ động? Chúng ta không thỉnh cầu, không nhờ vả, Đức Phật A-di-đà chủ động đến cứu chúng ta, đây gọi là chủ động. Đức Phật A-di-đà lúc còn ở nhân địa đã phát bốn mươi tám nguyện cứu chúng ta. Bốn mươi tám nguyện này là do chúng ta thỉnh Ngài phát ư? Chúng ta có thỉnh Ngài phát hay không? Chúng ta không có thỉnh. Ngài chủ động nói: “Nếu Tôi thành Phật (Tôi muốn thành Phật), mười phương chúng sanh, Tôi muốn cứu các người!”. Đây là chủ động.

Chủ động cứu chúng ta, có ý nghĩa gì? Nói đến hai chữ ‘chủ động’ là nói Đức Phật A-di-đà vốn có ý nguyện muốn cứu chúng ta. Nhân vì chỗ

chúng ta quan tâm là ‘Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây, tôi muốn được Phật A-di-đà đến cứu, không biết Phật A-di-đà có đến cứu tôi không? Không biết tôi có đạt đến tiêu chuẩn hay không?’. Nếu có những ý nghĩ như thế, chính ta tự chủ động cầu Đức Phật này, thì Phật A-di-đà dường như là người bị động. Nếu ta hiểu Đức Phật này chủ động muốn cứu chúng ta, chỉ cần chúng ta đáp ứng, cứ để Ngài cứu thì Ngài sẽ hoan hỷ. Chúng ta ra ngoài làm việc, lúc chúng ta chủ động cầu người khác, người khác đáp ứng thì chúng ta hoan hỷ, ‘Chỉ cần bạn đáp ứng là tốt rồi, cái gì Ta cũng đầy đủ, cái gì Ta cũng đáp ứng bạn’. Phật A-di-đà cũng như thế, Ngài muốn cứu chúng ta, Ngài chủ động phát nguyện cứu chúng ta, Ngài chỉ muốn chúng ta đáp ứng, cứ để cho Ngài cứu, Ngài rất hoan hỷ, Ngài nói: “Tốt lắm! Ta cứu bạn”. Đến nơi đâu? “Đến Tịnh Độ của Ta”. Làm sao đến? “Ta cho bạn danh hiệu”. Bạn nói: Tôi có phiền não. “Ta sẽ giải quyết cho”. Bạn nói: Tôi có nghiệp chướng. “Ta sẽ giải quyết cho”. Bạn nói: Tôi còn chẳng thanh tịnh v.v... Phật A-di-đà nói: “Tất cả đều không thành vấn đề, tất cả Ta đều giải

quyết! Chỉ cần bạn để cho Ta cứu, chỉ cần bạn xưng niệm danh hiệu của Ta là được rồi”. Vì thế, ‘chủ động’ là phản ánh tâm từ bi của Đức Phật A-di-đà, cũng phản ánh tâm cứu độ bình đẳng của Ngài, cũng phản ánh tâm cứu độ vô điều kiện của Ngài. Chủ động chính là vô điều kiện, hễ còn cần điều kiện thì chẳng phải chủ động.

Thế nào là bình đẳng? Tức là cứu độ chúng ta một cách không phân biệt, bình đẳng cũng là không có điều kiện. Phật A-di-đà đến cứu chúng ta, chẳng thấy chúng ta là nam là nữ, cũng chẳng thấy chúng ta là phàm phu hay là thánh nhân, cũng chẳng thấy chúng ta là người xuất gia hay là kẻ tại gia, cũng chẳng thấy chúng ta có đọc kinh điển hay không, những điều này không luận đến, Ngài cứu độ chúng ta một cách không có phân biệt, đây gọi là bình đẳng. Vì thế, trong bốn mươi tám nguyện đều nói “thập phương chúng sanh”. Bốn chữ ‘thập phương chúng sanh’ rất ngắn, nhưng bao hàm được rộng lớn, trong đó gồm cả thánh nhân, phàm phu. Trong phàm phu có người thiện, kẻ ác. Trong nhóm người thiện có Đại thừa thiện, Tiểu thừa thiện, thế gian thiện; trong nhóm

người ác có ngũ nghịch ác, phá giới ác, thập ác, khinh ác, trọng ác; nhưng họ đều có sống có chết, có người có trí huệ, người không trí huệ, người có trì giới, người không trì giới đều bao hàm trong đó; đây gọi là cứu độ bình đẳng. Vì thế, nguyện thứ mười tám nói: “Thập phương chúng sanh” với nghĩa thập phương chúng sanh là đối tượng được Phật A-di-đà cứu độ bình đẳng, không phân biệt.

Thế nào là vô điều kiện? Cứu độ chúng ta không có điều kiện. Đòi hỏi điều kiện thì chẳng phải là muốn cứu độ chúng ta.

Ví như một vị lương y giỏi, có người mắc bệnh nan y, chẳng phải ông thì không ai có thể chữa trị. Nếu vị thầy thuốc này có y đức, biết được tình huống này thì nửa đêm ông cũng dãi gió dầm sương, băng rừng lội suối đến cứu. Nếu người bệnh này là chúng ta, có người thầy thuốc có khả năng cứu chúng ta nửa đêm bất kể hiểm nguy đến cứu chúng ta, thử hỏi chúng ta có cảm kích hay không? “Ngài thật là ân nhân cứu mạng!”. Nếu ông thầy thuốc không có y đức, nhưng chỉ có ông ta mới cứu được chúng ta, ông ta nói giá cao thì

trong lòng chúng ta có cảm giác như thế nào? Chúng ta có xem ông ta là ân nhân cứu mạng chẳng? Ông ta là người thầy thuốc hắc ám, thiếu lương tâm. Ngay lúc chúng ta bệnh khổ đang cần đến ông ta, ông ta lại ra giá cao ‘anh không có đủ tiền thì tôi không cứu anh’. Như thế thì chẳng gọi là cứu độ, mà gọi là tâm hắc ám kiếm tiền. Chúng ta cũng không nhận ông ta là ân nhân cứu mạng chúng ta. Vì vậy, cứu độ thì không có điều kiện.

Nhưng cứu độ thì cần phải xét đến đối tượng. Đức Phật A-di-đà cứu độ chúng ta là căn cứ vào tình huống của chúng ta. Ví như có một người đang đói sắp chết, cái bánh bao có thể cứu đói người ấy. Cái bánh bao này giá chỉ hai đồng rưỡi. Hiện tại người kia đang đói, đang cần cái bánh bao, chúng ta bán một lô bánh bao rồi đưa cho người kia hai vạn đồng, đây có thể gọi là cứu độ chẳng? Đây chẳng phải là cứu độ, mà chỉ là nghĩ vì chúng ta, cứu độ là nghĩ vì người kia, làm cho người kia no đủ. Người kia đã đói đến sắp chết, không còn khí lực, lúc ấy chúng ta phải làm gì? Chúng ta rót một tách nước, đem đến đổ vào

miệng để người kia uống, đó là căn cứ vào tình huống của người kia.

Chúng ta là phàm phu có tham sân si mãnh liệt, nếu chúng ta tu trì các pháp môn khác thì thật sự đối với chúng ta quá khó khăn. Vì thế, Đức Phật A-di-đà lấy điểm đặc sắc ‘chủ động, bình đẳng, vô điều kiện’ để cứu độ chúng ta.

Niệm Phật vãng sanh nguyện

‘Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện’ phản ánh ở đâu? Phản ánh ở trong điều nguyện thứ mười tám của Đức Phật A-di-đà, điều nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện được gọi là ‘niệm Phật vãng sanh nguyện’. Niệm Phật vãng sanh nguyện phản ánh rõ hơn hết về đặc điểm cứu độ của Phật A-di-đà. Văn của nguyện ấy như vậy:

Nếu Ta thành Phật, mười phương chúng sanh chí tâm tin mộ, muốn sanh về cõi nước Ta, cho đến mười niệm, nếu chẳng được sanh thì Ta không ở ngôi Chánh giác. Chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.

Điều nguyện này, có thể nói là rất từ bi.

‘Nếu Ta thành Phật’ là lời của tỳ-kheo Pháp Tạng nói: “Tôi muốn thành Phật”. Mỗi một điều nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều có bốn chữ này, đó là do Ngài chủ động, không phải do chúng ta thỉnh cầu nhờ vả rồi Ngài mới phát nguyện.

‘Mười phương chúng sanh’ là đối tượng mà tỳ-kheo Pháp Tạng muốn cứu độ, chính là chúng ta. ‘Ta muốn thành Phật, chính là muốn cứu độ mười phương chúng sanh, Ta cứu độ họ như thế nào?’. Sau đây sẽ giải thích sự cứu độ vô điều kiện của Ngài.

‘Chí tâm tin mộ’ chính là tông chỉ **Tin nhận Di-đà cứu độ**. ‘Chí tâm’ tức là chân thật, thật sự ‘bạn cần phải thật sự tin rằng Ta đến cứu bạn’. Nếu chúng ta tin mình là người cần phải được cứu, đang ở trong chốn khổ nạn, đang ở trong chỗ nguy cấp, đang chờ đợi người tìm đến cứu và tin chắc rằng có người đến cứu, thì thử hỏi chúng ta

có cảm thấy an lạc hay không? Chắc chắn là có, đây gọi là ‘chí tâm tin mộ’.

Nếu bạn không biết mình đang ở trong cảnh nguy khốn, là kẻ đang chịu khổ nạn, cần có người đến cứu; bạn chỉ dựa vào sức của chính mình, cho rằng mình có biện pháp thoát khỏi sanh tử luân hồi thì bạn không phải là người ‘tin nhận Di-đà cứu độ’.

Vì thế, ‘tin nhận Di-đà cứu độ’ chính là ‘chí tâm tin mộ’.

Chúng ta là phàm phu với nghiệp tập tham sân si sâu nặng, chúng ta là kẻ phàm phu không có sức tự giải quyết luân hồi sanh tử của chúng ta, chúng ta là kẻ phàm phu đáng thương thường bị phiền não đánh bại.

Ví như có người đi ra khỏi nhà, trên gò má có in dấu năm ngón tay, vì người ấy gây lộn với vợ, bị vợ đánh. Bề ngoài thì thấy người ấy bị vợ đánh, nhưng thật ra bên trong là bị phiền não đánh, bị phiền não đánh mới thật là đáng thương. Bà ta

vốn chẳng đánh anh ta, nhưng vì bà ta có phiền não.

Chúng ta ở thế gian này, nội tâm chúng ta, thân thể chúng ta, *Quán kinh* nói ‘bị giặc phiền não làm hại’. Chúng ta bị giặc phiền não làm hại, chúng ta chống không lại giặc phiền não, phiền não mạnh như thế đấy!

Đã chống không lại phiền não thì thân miệng ý sẽ tạo tội tạo nghiệp. Mọi người đều có sát sanh, đều có ăn thịt, đều có dối gạt người, đều có tâm tham, đều có tâm đố kỵ, có những tội nghiệp thì tương lai nhất định phải bị đọa lạc.

Chúng ta là chúng sanh như thế, cho nên chúng ta cần được cứu độ. Vậy, người cần được gặp Phật A-di-đà cứu độ thì phải ‘chí tâm tin mộ’.

Phật A-di-đà nói: ‘Ta là Phật đến cứu bạn, Ta thành Phật là vì muốn cứu độ bạn, bạn hãy tin vào sự cứu độ của Ta. Bạn tin nhận sự cứu độ của Ta, bạn sẽ có an lạc, bạn sẽ được an ủi’.

*Ta thệ thành Phật để thực hiện nguyện này
Tất cả những người đang lo âu,
sợ hãi, đều được an lạc.*

Đây là nói về Đức Phật A-di-đà phát nguyện.

Nguyện thứ mười tám là niệm Phật vãng sanh nguyện. Người cần được cứu là tất cả những người đang lo âu, sợ hãi, Đức Phật khiến cho chúng ta được an lạc, đó là ‘chúng sanh an lạc, Ta an lạc’.

Nói ‘chí tâm tin mộ’ có phải là đặt điều kiện đối với chúng ta? ‘Ta cứu bạn, bạn hãy tin Ta’, không thể nói đây là điều kiện.

‘Muốn sanh về cõi nước của Ta’ nghĩa là ‘bạn muốn sanh về Tịnh Độ của Ta’. Vì sao? ‘Thế giới Ta-bà là nơi tụ tập người ác, nghiệp ác, phiền não ác, ở đây thì mãi mãi phải chịu khổ, chịu nạn; Ta muốn cứu bạn đến Tịnh Độ của Ta’. Vì thế, trong tông chỉ nói: **Nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ.**

Câu ‘muốn sanh về cõi nước của Ta’ là lời của Phật A-di-đà kêu gọi chúng ta, chẳng phải là điều

kiện. Đức Phật A-di-đà chủ động kêu gọi: “Bạn hãy đến Tịnh Độ của Ta”.

Chúng ta ở đây nói: “Tôi muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây, tôi muốn vãng sanh, lúc Phật A-di-đà đến, có thật sự là đến cứu tôi chăng?”, dường như là chúng ta chủ động cầu xin Phật cứu.

Kỳ thật, so với chúng ta, thì Phật còn ân cần tha thiết hơn, Ngài từ kiếp lâu xa bất tư nghị đã kêu gọi chúng ta: “Mười phương chúng sanh, các bạn hãy đến sanh về Tịnh Độ của Ta”. Vậy thì ‘muốn sanh về cõi nước của Ta’ có thể coi là điều kiện sao?

Vậy thì, chúng ta nên nguyện sanh về cõi nước của Ngài.

Chúng ta nguyện vãng sanh, câu ‘muốn sanh về cõi nước của Ta’ này là lời của Phật A-di-đà nói, không coi như điều kiện, mà chỉ cần chúng ta muốn là được.

Tiếp theo có bốn chữ ‘cho đến mười niệm’, ‘cho đến mười niệm’ tức là niệm danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật. Đây cũng chẳng phải là điều kiện. Vì sao? Vì sáu chữ danh hiệu này là thể của công đức, chúng ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây, chúng ta không có công đức nên tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: ‘Chỉ cần bạn tin sự cứu độ của Ta, chỉ cần bạn nguyện sanh về Tịnh Độ của Ta...’. Tuy chúng ta nguyện vãng sanh, nhưng chúng ta không có công đức thì chúng ta làm sao đến cõi nước trang nghiêm của Ngài được. Phật nói: “Không sao đâu! Chỉ cần bạn muốn vãng sanh, Ta sẽ cấp cho bạn công đức, đó là sáu chữ danh hiệu”.

Vì sao cấp cho chúng ta? Nếu khó khăn lắm chúng ta mới đến được Tịnh Độ của Ngài thì đó cũng chẳng phải là cứu chúng ta. Điều này giống như chúng ta là kẻ đói sắp chết, đem thức ăn đến cho chúng ta. Nếu khó khăn mới có được thì giống như đem thức ăn để trên lầu cao, bảo chúng ta lên lấy ăn, chúng ta đói sắp chết, muốn bò lên bò cũng không nổi, muốn đứng dậy đứng cũng không nổi, chúng ta không lấy được. Nếu chủ

động đến đưa thức ăn vào miệng chúng ta, đút cho chúng ta ăn, chúng ta chỉ cần nhai nuốt, đây mới là tốt.

Vì thế, Phật A-di-đà đem sáu chữ danh hiệu cấp cho chúng ta và nói: “Ta ở trong vô lượng kiếp, nếu chẳng làm đại thí chủ cứu giúp khắp các người nghèo khổ thì Ta thệ chẳng thành Chánh giác”. Ngài muốn cứu độ chúng ta, Ngài nói: “Vì chúng sanh mà mở kho công đức, bố thí của báu công đức”. Công đức của sáu chữ danh hiệu, Ngài bố thí cho chúng ta; nếu như yêu cầu chúng ta nhất định phải đạt đến nhất tâm thiền định thì công đức của sáu chữ danh hiệu mới thuộc về chúng ta, nếu như yêu cầu chúng ta nhất định phải đạt đến khai phát trí huệ thì công đức của sáu chữ danh hiệu mới thuộc về chúng ta. Nếu như yêu cầu như thế thì chúng ta không thể nào có được công đức của sáu chữ danh hiệu.

Chẳng cần nói chi đến chuyện cao xa, nếu đòi hỏi nhất định phải ăn chay trường thì mới cấp cho bạn công đức của sáu chữ danh hiệu, thì ở thế gian này nhiều người không được công đức của sáu

chữ danh hiệu, vì họ không thể ăn chay trường, họ ăn chay trường không nổi.

Nếu nói có người không có thời gian niệm mười tiếng, mà chỉ có thời gian niệm năm tiếng, người ấy có được cứu độ hay không? Cũng được cứu độ! Do vì giống như vừa mới nói, người ấy một khi được cứu thì người ấy mong muốn mãi mãi cùng đấng cứu độ (Phật A-di-đà) ở chung một chỗ, người ấy chính là ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật...’.

Kinh nói ‘khiến cho tiếng niệm Phật không dứt’, Đại sư Thiện Đạo giải thích là ‘tương tục xưng danh’. Tương tục xưng danh là gì? Một người sắp chết cần có người đến cứu, tự nhiên tâm niệm luôn luôn nhớ nghĩ không quên, không muốn rời bỏ hoàn cảnh an lạc này, không muốn trở lại cảnh giới thống khổ đáng sợ.

Vì thế, ‘cho đến mười niệm’ không phải là điều kiện đối với người niệm Phật, như Đại sư Thiện Đạo giải thích, không có một điều kiện nào cả. Ngài nói ‘Trên thì niệm Phật suốt đời, dưới thì

niệm Phật mười tiếng’, ‘nhất hướng chuyên xưng’, ‘chúng sanh xưng niệm ắt được vãng sanh’. Chỉ cần chúng ta nhất hướng chuyên xưng; ‘nhất hướng chuyên xưng’ cũng chẳng phải là điều kiện. Đức Phật A-di-đà muốn bảo hộ chúng ta, Ngài đem danh hiệu cấp cho chúng ta và nói: “Bạn ngồi lên thuyền đại nguyện, Ta cứu hộ bạn, bạn không ra khỏi thuyền, Ta có thể bảo hộ bạn”. Chúng ta là kẻ đang bị rơi trong biển khổ sanh tử, được Phật A-di-đà cứu vớt lên thuyền đại nguyện. Nếu chúng ta còn muốn quay lại biển khổ sanh tử thì có khác nào trò đùa của trẻ con, chẳng ý thức được nỗi khổ luân hồi. Một khi chúng ta hiểu được nỗi khổ luân hồi, biết được mình là phạm phu tạo nghiệp đọa lạc thì mới có thể niệm Phật tương tục.

Vì thế, ‘cho đến mười niệm’, từ góc độ Di-đà mà nói thì Ngài cứu độ chúng ta vô điều kiện, từ bên chúng ta mà nói thì chúng ta được Phật A-di-đà cứu độ, đây gọi là cứu độ vô điều kiện.

Về sau, nếu có người giải thích mà xa rời thế nguyện Di-đà thì cũng là xa rời ý chỉ giải thích của Đại sư Thiện Đạo.

Mọi người đều biết có câu nói: “Miệng niệm Di-đà mà tâm tán loạn thì dù cho hét to đến bể cổ họng cũng uổng công vô ích”. Nếu như thế là có điều kiện. Điều kiện gì? Đó là ‘bạn niệm danh hiệu Phật phải đạt đến thiền định, nếu tâm bạn không có thiền định, tâm bạn tán loạn thì dù cho bạn hét bể cổ họng cũng không được cứu’, đây chẳng gọi là ‘cho đến mười niệm’ mà gọi là ‘thiền định mười niệm’. Lời giải thích này chẳng phải là yêu cầu của Phật A-di-đà đối với chúng ta. Phật A-di-đà chỉ nói: “Cho đến mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh thì Ta không ở ngôi Chánh giác”. ‘Chỉ cần bạn tin nhận sự cứu độ của Ta, nguyện sanh về Tịnh Độ của Ta, bạn chỉ cần niệm Phật như thế, bạn chẳng vãng sanh, Ta chịu trách nhiệm!’. Ngài không nói chúng ta cần phải có tâm thanh tịnh, tâm thiền định. Vì thế, đây chẳng phải là yêu cầu của Phật A-di-đà, cũng chẳng phải là sự giải thích của Đại sư Thiện Đạo. Câu nói trên là kết luận đúng trên lập trường thiền định. Người tu thiền

thường cho rằng: “Niệm Phật nếu không có công phu thiền định, thì dù cho bạn tu trì như thế nào đi nữa cũng không thể thành tựu”. Vì thế, họ nói: “Bạn niệm danh hiệu Phật, bạn cần phải có thiền định, nếu bạn không có thiền định thì dù cho bạn hét bể cổ họng cũng uống công vô ích”. Nhưng giải thích như vậy thì chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ thuần chánh, chẳng phải là tông chỉ của tông Tịnh Độ, cũng chẳng được gọi là cứu độ vô điều kiện. Sự cứu độ của Phật A-di-đà là vô điều kiện, Ngài không nói: “Bạn nhất định phải đạt đến tâm thiền định”, cũng chẳng nói: “Bạn nhất định phải xuất gia”. Nếu nói nhất định phải xuất gia thì mọi người đâu thể làm được. Ngài cũng không nói: “Bạn nhất định phải đọc kinh này, trì chú kia”. Ở đây Ngài không đặt ra yêu cầu, đây gọi là cứu độ vô điều kiện.

Sự phân công giữa Phật A-di-đà và chúng ta

Chúng ta ôn lại văn của điều nguyện thứ mười tám. Văn của điều nguyện này rất gọn gàng, sáng sủa, dứt khoát. Trong điều nguyện thứ mười tám, giữa Phật A-di-đà và chúng ta có một sự phân công: Ba câu là do chúng ta làm, các câu còn lại là do Phật làm.

Câu ‘nếu Ta thành Phật’ là tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện, chẳng cần chúng ta phát nguyện. Câu này là Phật làm, chẳng phải chúng ta làm.

Câu ‘mười phương chúng sanh’ bao gồm cả chúng ta trong đó, cũng là đối tượng được Phật A-di-đà cứu độ. Chúng ta chỉ cần biết chúng ta là một thành phần trong ‘mười phương chúng sanh’ là tốt rồi!

Ba câu sau đây là do chúng ta làm:

Câu thứ nhất ‘chí tâm tin mộ’ là muốn chúng ta thật sự tin vào sự cứu độ của Phật A-di-đà. Nếu chúng ta tin thì chúng ta làm được câu này, thật sự tin thì chẳng cần hoài nghi. Sao gọi là hoài nghi? ‘Kẻ nhiều phiền não như tôi, Phật A-di-đà có cứu được tôi hay không?’, nghĩ như vậy là chẳng thật sự tin, nghĩ như vậy thì không vui, đâm ra lo âu. ‘Tội nghiệp của tôi nặng như thế, Phật A-di-đà cứu được tôi hay không?’, còn có những nghi vấn như thế thì chẳng phải là ‘chí tâm tin mộ’. ‘Chí tâm tin mộ’ là nói: “Tôi là kẻ nhiều phiền não, nghiệp chướng sâu nặng, tuy tôi niệm Phật nhưng không thanh tịnh, tuy tôi muốn thanh tịnh trì giới nhưng không làm nổi, tôi tuy muốn không có vọng tưởng tạp niệm, không khởi tham sân si nhưng hằng ngày chúng vẫn khởi, kẻ niệm Phật như tôi, Phật A-di-đà nhất định có thể cứu tôi!”. Đây gọi là ‘chí tâm tin mộ’, câu này là do chúng ta làm.

Câu thứ hai ‘muốn sanh về cõi nước của Ta’ là lời của tỳ-kheo Pháp Tạng kêu gọi chúng ta.

Chúng ta tin mình không có sức mạnh tự giải thoát sanh tử luân hồi, cho nên chúng ta muốn được vãng sanh, đó là chúng ta đã làm câu thứ hai này.

Câu thứ ba ‘cho đến mười niệm’, Đại sư Thiện Đạo giải thích: ‘Trên thì suốt đời niệm Phật, dưới thì cho đến niệm Phật mười tiếng’. Tùy theo bạn bận rộn hay rảnh rang, tâm bạn thanh tịnh thì thanh tịnh niệm, tâm bạn không thanh tịnh cũng không hề gì; bạn có thời gian thì niệm ba vạn câu, bạn không có thời gian thì niệm hai vạn câu; bạn tinh tấn dũng mãnh thì niệm ba vạn câu, bạn không đủ tinh tấn thì niệm một vạn câu, hoặc niệm năm nghìn, tám nghìn câu đều được. Chỉ cần bạn tin nhận sự cứu độ của Phật A-di-đà, xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nguyện sanh về Tịnh Độ của Phật A-di-đà là được rồi! Đây gọi là ‘cho đến mười niệm’. Chúng ta đều có thể làm được, có ai mà làm không được? Ngồi đây niệm Phật ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, không thể khởi vọng tưởng tạp niệm! Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, không thể khởi vọng tưởng tạp niệm! Nam-mô

A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật...’. Bạn bảo niệm Phật cần phải không khởi vọng tưởng tạp niệm, nhưng vọng tưởng tạp niệm vẫn cứ khởi, bạn cho rằng Phật cứu không nổi. Được rồi! Bạn hãy bỏ ý nghĩ ấy đi, chỉ cần bạn niệm Nam-mô A-di-đà Phật, miệng bạn xưng danh hiệu: ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật...’, trong tâm bạn nghĩ đồng cũng được, nghĩ tây cũng được, đều không quan hệ (Tôi đương nhiên không cổ vũ mọi người vọng tưởng, chúng ta hy vọng tâm được thanh tịnh chút nào hay chút nấy). Chúng ta nên biết việc khởi vọng tưởng tạp niệm này không có quan hệ gì với việc vãng sanh. Vì sao nói như thế? Ví dụ như đi máy bay, chúng ta tin tưởng và chịu bước lên máy bay thì dù chúng ta ngồi trên đó có nghĩ đồng nghĩ tây gì thì máy bay cũng đưa chúng ta đến nơi.

Máy bay ở thế gian là như thế, máy bay sáu chữ danh hiệu cũng như thế, sáu chữ danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật là một chiếc máy bay từ thế giới Ta-bà bay qua quăng đường mười muôn ức cõi nước Phật rất là xa, bay đến thế giới Cực

Lạc ở phương Tây. Chúng ta muốn đến Cực Lạc thì phải nhờ sáu chữ danh hiệu này.

Có người chẳng dám đi máy bay, ngồi trên máy bay chẳng dám ngủ gật, như cha tôi lần đầu tiên đi máy bay, ông nói: “Khối sắt này làm sao bay được, lỡ nó rơi xuống đất thì sao?”. Tôi đưa ông ra phi trường chỉ máy bay đang bay cho ông thấy thì ông mới hết lo âu, sau đó ông mới chịu lên máy bay.

Nếu bây giờ, bạn đến một bộ lạc ở trong rừng sâu tìm gặp một người tù trưởng có trí huệ, mời ông ta đi máy bay, ông ta không tin khối sắt có thể chở ông ta bay lên trời một cách an toàn. Ông ta nói: “Chở tôi bay lên trời à? Nếu rơi xuống thì sao?”.

Trước tiên, ông ta cần phải có lòng tin, có lòng tin mới chịu ngồi lên máy bay. Cũng vậy, chúng ta muốn đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây, muốn vượt qua mười muôn ức cõi nước Phật, người ở Ta-bà tự chẳng thể đến được, phải nhờ sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật mới đến được!

Chúng ta rất có duyên với Phật A-di-đà. Trước khi xuất gia, tôi công tác ở công ty hàng không quốc gia, bây giờ tôi công tác cho công ty hàng không của Phật A-di-đà. Phật A-di-đà là Tổng giám đốc của công ty hàng không khắp mười phương pháp giới, Ngài phái phi cơ sáu chữ danh hiệu, mở tuyến đường bay phổ biến, từ thế giới Ta-bà đến Cực Lạc. Ở thế tục thì phải mua vé, còn ở đây thì khác, không cần mua vé, phát vé miễn phí, và kêu gọi mọi người: “Hoan nghinh mọi người lên máy bay sáu chữ danh hiệu của chúng tôi”.

Chúng ta nhiều phiền não, nghiệp chướng sâu nặng như thế, chỉ cần chúng ta xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật, văn kinh nói: “Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật không bỏ”. ‘Nhiếp thủ không bỏ’ chính là cứu độ chúng ta, bảo hộ chúng ta, không rời bỏ chúng ta. Chúng ta xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật tức là bước lên máy bay sáu chữ danh hiệu, cửa khoang máy bay một khi đóng lại, chúng ta được chở đi, đây gọi là ‘nhiếp thủ chẳng bỏ’. Chúng ta ngồi trên máy bay sáu chữ

danh hiệu, niệm ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật...’, tuy có lúc tán loạn, nghĩ đến chuyện này chuyện nọ; tuy có lúc nghĩ đến thức ăn ở nhà bếp, nhưng chúng ta vẫn không rời chiếc máy bay sáu chữ danh hiệu. Chúng ta ngồi trên chiếc máy bay sáu chữ danh hiệu, dù có khởi tạp niệm cũng không bị rơi tòm xuống. Nếu bị rơi tòm xuống thì ai dám niệm? Do vì chúng ta không làm đến mức chẳng khởi tạp niệm, vì thế mọi người chẳng cần phải lo âu, sự cứu độ của Phật A-di-đà vô cùng ổn đáng, là chủ động cứu độ, là bình đẳng cứu độ, và sự cứu độ này không có điều kiện. Giả sử chúng ta niệm Phật mà thường khởi tạp niệm, nghĩ đồng nghĩ tây, nhưng chỉ cần tâm chúng ta tin nhận vào sự cứu độ của Phật A-di-đà, chỉ cần chúng ta nguyện sanh về Tịnh Độ của Phật A-di-đà thì không có chướng ngại.

Chúng ta ngồi trên máy bay, tức là đem bản thân mình giao cho cơ trưởng. Chỉ cần giao phó cho ông ta, ông ta có trách nhiệm đưa chúng ta đến nơi. Chỉ cần chúng ta tin tưởng, ngồi lên máy bay, thì không có vấn đề.

Đương nhiên, máy bay ở thế gian vẫn có xuất hiện sự cố gây chướng ngại, còn máy bay của Phật A-di-đà không có sự cố gây chướng ngại. Phật A-di-đà là cơ trưởng, sáu chữ danh hiệu là máy bay, chỉ cần chúng ta giao sinh mạng mình cho Ngài, tức là chúng ta tin nhận sự cứu độ của Phật A-di-đà, tin Phật A-di-đà cứu chúng ta, chúng ta cứ để cho Ngài cứu. Vì sao để cho Ngài cứu? Vì sao bước lên chiếc máy bay này? ‘Chúng ta niệm Nam-mô A-di-đà Phật, chuyên niệm không thay đổi’ là được rồi! Đó là chúng ta giao sinh mạng mình cho Phật A-di-đà, trừ niệm Phật ra, các pháp môn khác chúng ta tu không nổi. Chúng ta tuy không có cách nào làm cho vọng tưởng tạp niệm không khởi, nhưng như thế có ảnh hưởng gì đến sự cứu độ hay không? Mọi việc ta đều giao cho Phật A-di-đà! Điều này mọi người nên biết rõ. Giống như chúng ta ngồi trên máy bay, giao hết sinh mạng cho cơ trưởng, dù cho chúng ta có nghĩ đến việc gì khác cũng không chướng ngại.

Thí dụ cứu người bị nạn động đất: Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.

Trước đây, vào ngày 12 tháng 5 năm 2008 động đất ở Vấn Châu, trong khoảng chớp mắt, đất động núi rung, nhà cửa sụp đổ, nhiều người bị chôn vùi trong đống đổ nát. Lúc đó rất cần sự cứu độ. Chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ, Thủ tướng đến ngay hiện trường, những người thân của kẻ bị tai nạn rất cảm động. Nếu Thủ tướng ngồi yên trên ghế bành ở trong dinh thự của mình tại thủ đô, bỏ mặc cho người dân bị nạn kêu gào: “Cứu mạng, xin ngài đến cứu chúng tôi”, năm ngày sau mới đến thì vị ấy có phải vị Thủ tướng tốt của nhân dân hay không? Vị ấy có thể giúp được gì cho nhân dân? Vị ấy không có lòng thương dân.

Phật A-di-đà cũng giống như thế; thế giới Ta-bà của chúng ta là khu vực đang bị tai nạn trầm trọng, chúng ta đang bị chôn vùi trong đám nghiệp chướng phiền não tham sân si. Phật A-di-đà thấy thế giới Ta-bà của chúng ta là nơi đang bị tai nạn trầm trọng, Ngài chủ động đến

Thí dụ cứu người bị nạn động đất: Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.

cứu chúng ta, Ngài chẳng đợi ở đây chúng ta khóc lóc kêu gào: “A-di-đà Phật! Xin Ngài đến cứu chúng tôi, chúng tôi kêu Ngài mấy năm rồi, chúng tôi kêu Ngài mấy chục năm rồi, Ngài không đến cứu sao?”. Không có việc đó đâu! Chúng ta ở đây không kêu cứu, Phật A-di-đà cũng chủ động đến cứu chúng ta, đem sáu chữ danh hiệu lưu truyền tại thế gian này. Đây là chủ động.

Chúng ta đến khu bị tai nạn, cứu độ người đang bị chôn vùi trong đồng đổ nát, chúng ta có bình đẳng cứu độ hay không? Sau khi máy ủi đến xúc đồng đổ nát, phát hiện ‘người này là đại gia, là giám đốc công ty’ thì cứu, ‘kẻ kia nghèo rớt mồng tơi, cứu hẳn cũng vô dụng’ nên không cứu, như vậy có được hay không? Không! Hoặc giả ‘Anh là quan chức thì tôi cứu anh’, ‘anh là người thường dân thì tôi không cứu anh’, có được như vậy hay không? Không! Hoặc giả ‘anh là nhà khoa học, cứu anh ra để anh có cống hiến cho xã hội’, ‘anh là kẻ ăn xin, người tầm thường, cứu anh ra, anh cũng không có cống hiến gì cho xã hội’, cho nên không cứu, có được hay không? Không! ‘Người này có đạo đức, phẩm cách tốt, nên cứu người này’, ‘kẻ

kia vốn là tên trộm, sau khi được cứu, anh ta sẽ đi trộm đồ vật của người khác, dứt khoát không cứu người đó', có nên làm như vậy hay không? Không! Lúc đó chỉ có một mệnh lệnh là ở chỗ nào có dấu hiệu nghi là có sinh mạng thì mau mau tìm kiếm, chẳng nói đó là người nào, dù cho đó là một con chó cũng cứu nó. Sự cứu độ lúc đó là không có điều kiện nào hết.

Phật A-di-đà cứu chúng ta, nếu nói 'bạn chỉ niệm sáu chữ danh hiệu mà bạn không thuộc lòng bốn mươi tám nguyện của Ta thì Ta không cứu bạn', Ngài có bắt buộc như thế hay không? Không! 'Nếu bạn không thuộc lòng kinh *A-di-đà*, chỉ niệm sáu chữ danh hiệu thì Ta không cứu bạn', có như thế hay không? Không! 'Bạn phải nói lời cảm tạ thì Ta mới cứu bạn', Phật cứu bạn, có cần lời cảm tạ hay không? Không!

Lúc đó dù là kẻ trộm, kẻ tội phạm, chỉ cần họ là người còn sống, chúng ta đều phải cứu họ. Nếu chẳng cứu thì chúng ta làm không hết trách nhiệm của mình. Chúng ta cứu họ, nhưng không bảo chúng rằng, anh ta không trộm cắp nữa. Phật

Thí dụ cứu người bị nạn động đất: Chủ động, bình đẳng, vô điều kiện.

A-di-đà muốn đem chúng sanh tham sân si được cứu đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây, vĩnh viễn giải trừ tham sân si. Chúng ta đến Cực Lạc thì không còn là phàm phu, mà chính là thành Phật, Phật A-di-đà làm sao mà không cứu chúng ta? Nếu Ngài đặt điều kiện ‘tâm bạn chẳng thanh tịnh, dù bạn niệm sáu chữ danh hiệu, Ta cũng không cứu bạn’, có như thế hay không? Không!

Vì thế, mọi người cần phải hiểu, thế gian cứu người lâm nạn còn chủ động, bình đẳng, vô điều kiện. Lúc cứu người thì chẳng giống như lúc bình thường. Nếu bình thường thì cho một cái bánh bao, một chai nước khoáng, đây cũng là cho tiền, một chai nước khoáng hai đồng rưỡi, một cái bánh bao ba đồng, đều là tiền cả. Lúc cứu người đang bị tai nạn động đất, hao tổn nhiều sức lực, tiền của; đây đều là nghĩa vụ; máy xúc, máy ủi cũng không tính tiền sử dụng; đem người đến cấp cứu tại bệnh viện, bệnh viện cũng không tính tiền, tất cả đều miễn phí, vì lúc đó là cần phải cứu người.

Phật A-di-đà cứu chúng ta còn hơn thế nữa, qua thí dụ kể trên, chúng ta có thể hiểu được sự cứu độ của Phật A-di-đà là chủ động, bình đẳng, vô điều kiện. Kỳ thật, cái thí dụ này cũng không đủ để hình dung sự cứu độ của Phật A-di-đà.

Chúng ta niệm Phật, Phật A-di-đà cứu chúng ta, nếu Ngài đặt điều kiện thì chúng ta đâu được cứu độ. Chỉ có một số ít người mới có thể được cứu độ, tuyệt đại đa số không được cứu độ.

Trong tâm chúng ta có rất nhiều quan niệm. Tỷ như cho rằng phải đạt đến một trình độ nào đó, đạt đến công phu nào đó, Phật A-di-đà mới chịu cứu độ.

Tôi mong mỗi bắt đầu từ bây giờ, mọi người hãy từ bỏ quan niệm ấy đi! Phật A-di-đà cứu độ là chủ động, bình đẳng, vô điều kiện. Do vì đây là pháp môn cứu độ, pháp môn cứu độ tức là pháp môn vô điều kiện, có điều kiện thì chẳng được gọi là cứu độ.

Tông chỉ thứ hai:

Chuyên xưng Di-đà Phật danh

Vừa giảng xong Phật A-di-đà cứu độ chúng ta như thế nào? Dùng danh hiệu của Ngài cứu độ chúng ta. Chúng ta làm gì để được Phật A-di-đà cứu độ? Câu thứ hai: Chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà.

Chỉ cần chuyên niệm, chuyên xưng. Xưng nghĩa là miệng chuyên xưng Nam-mô A-di-đà Phật, chuyên xưng danh hiệu này thì được Phật cứu độ. Đây là pháp môn rất đơn giản, rất dễ dàng, có năng lực cứu khắp tất cả chúng sanh. Phật A-di-đà dùng sáu chữ danh hiệu này, dùng ‘miệng xưng danh hiệu, nguyện sanh về cõi nước của Ta’ thì Phật A-di-đà cứu độ chúng ta, không có đòi hỏi cao, không có yêu cầu khắt khe. Vì thế, ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’ là phương pháp Phật A-di-đà cứu độ chúng ta, cũng là phương pháp chúng ta được cứu độ. Chỉ cần chúng ta chuyên xưng Nam-mô A-di-đà Phật thì chúng ta

được Phật A-di-đà cứu độ, không còn có tiêu chuẩn nào khác.

Chúng ta được Phật A-di-đà cứu độ, chúng ta nhất định, quyết định được vãng sanh không có sơ suất. Phút lâm chung, chết như thế nào, đây là trạng huống lúc phàm phu ở thế giới Ta-bà này chết, hoặc bị xuất huyết não, hoặc bị tai nạn giao thông, hoặc bị bệnh di truyền; hoặc lúc chết tâm ý sáng suốt, hoặc lúc chết khiến cho người khác thấy dường như là hôn mê bất tỉnh. Những trạng huống này không ảnh hưởng gì đến sự cứu độ của Phật A-di-đà, do vì hiện tại chúng ta đã được Phật cứu rồi, chẳng phải đến phút lâm chung Phật mới đến cứu chúng ta. Chỉ cần chúng ta chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà là được Phật đến cứu. Chúng ta lâm chung dù gặp tình huống nào cũng đều chẳng ảnh hưởng đến sự cứu độ của Phật A-di-đà.

Giống như vừa rồi tôi đã nói, chúng ta chỉ cần bước lên thuyền. Ở trên thuyền rồi thì chúng ta nhất thể với thuyền, giả sử ở trên thuyền mà có ngủ gật, ngủ mê cũng đều chẳng ảnh hưởng gì!

Quán kinh nói:

*Quang minh biến chiếu thập phương thế giới,
niệm Phật chúng sanh nhiếp thọ bất xả
(Ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới
nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, không rời bỏ).*

Đại sư Thiện Đạo giải thích đoạn văn này, có ý nghĩa khái quát rất đặc biệt đối với chúng ta. Hiện thị ‘nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, không rời bỏ’ như thế nào? Niệm Phật đại biểu cho cái gì? ‘Nhiếp thủ bất xả’ có ý gì? ‘Nhiếp thủ’ tức là cứu độ; ‘bất xả’ nghĩa là cứu độ chúng ta, không rời bỏ chúng ta, bảo hộ chúng ta. Chúng sanh niệm Phật, Đại sư Thiện Đạo giải thích: Chỉ cần chúng ta là người chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà thì được Phật A-di-đà cứu độ, Phật A-di-đà chẳng rời bỏ chúng ta.

Đại sư Thiện Đạo nói: “Đản hữu chuyên niệm A-di-đà Phật chúng sanh” nghĩa là chỉ cần chúng ta chuyên niệm Phật A-di-đà, các hạnh khác đều chẳng đề cập đến.

‘Bi Phật tâm quang thường chiếu thị nhân’ nghĩa là ánh sáng của tâm Phật A-di-đà thường chiếu đến người niệm Phật.

‘Nhiếp hộ bất xả’: ‘Nhiếp’ nghĩa là nhiếp thủ, cứu độ; ‘hộ’ nghĩa là bảo hộ. Bạn chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì ánh sáng của Phật chiếu đến bạn; chiếu đến bạn là cứu đến bạn; cứu đến bạn là bảo hộ bạn, bảo hộ bạn là chẳng rời bỏ bạn, suốt ngày suốt đêm, năm này năm khác, hiện tại đến lâm chung, vĩnh viễn nhiếp hộ chẳng rời bỏ. Đây là nói chỉ cần niệm Phật thì được Phật cứu hộ.

‘Tổng bất luận chiếu nhiếp dư tạp nghiệp hành giả’: Tất cả những người tạp hạnh tạp tu, ánh sáng của Phật A-di-đà không chiếu đến, không cứu đến, không bảo hộ đến. ‘Dư tạp nghiệp hành giả’ không xác định được vãng sanh, vì thế nói: Người tạp hạnh tạp tu vãng sanh bất định, trong một trăm người khó được một hai người, trong một nghìn người khó được năm ba người. Vì sao? Vì những người ấy cậy vào sức của chính mình (tự lực), không dựa vào sự cứu độ của Phật A-di-đà (tha lực), nên người ấy không được Phật A-di-đà cứu đến.

Miệng xưng danh hiệu Phật

‘Miệng xưng danh hiệu Phật’: ‘Xưng’ là miệng xưng, từ cửa miệng phát ra tiếng.

Niệm Phật có bốn cách: Đại thanh niệm, tiểu thanh niệm, kim cang niệm, mặc niệm.

Đại thanh niệm thì âm thanh rất lớn. Tiểu thanh niệm thì âm thanh nhỏ. Kim cang niệm thì tự mình niệm tự mình lắng nghe, động môi lưỡi, nhưng không phát ra tiếng. Ba trường hợp kể trên đều gọi là ‘xưng’. Mặc niệm là niệm thầm trong tâm. Niệm thầm trong tâm đòi hỏi phải có trình độ khá cao, tâm chúng ta phải đạt đến mức an định và an tĩnh.

Có người nói: “Niệm Phật cần phải đạt đến không khởi vọng tưởng tạp niệm, cần phải đạt đến công phu thành phẩm v.v...”. Tiêu chuẩn này quá cao! Nếu chúng ta chỉ cần miệng niệm thì ai nấy cũng đều làm được. Vậy xin hãy chấp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật. Niệm Phật như thế là

được rồi, niệm Phật như thế là đạt đến tiêu chuẩn rồi, là đạt yêu cầu rồi. Thậm chí cũng chẳng cần phải niệm lớn tiếng, thậm chí niệm bốn chữ A-di-đà Phật cũng được, thậm chí niệm nhanh một chút, niệm chậm một chút cũng đều được. Đây gọi là miệng xưng danh hiệu Phật; đây gọi là ‘xưng’.

Điều này căn cứ vào đâu? Căn cứ vào văn Hạ hạ phẩm trong *Quán kinh*: Một người trong tâm không có cách gì niệm Phật, tư tưởng ý thức không thể nào tập trung được, người ấy phải chết, tứ đại phân ly, cả đời người ấy tạo tội nặng ngũ nghịch, quý sứ của Diêm vương muốn đến bắt người ấy, lửa địa ngục sắp đến chân. Lúc đó làm sao người ấy đạt đến công phu thành phỉến? Người ấy chỉ có ‘sợ hãi thành phỉến’, ‘hoảng loạn thành phỉến’, đâu có công phu gì? Trong tình huống ấy, thiện tri thức bảo người ấy: “Bạn hãy niệm Nam-mô A-di-đà Phật theo tôi!”. Thiện tri thức niệm một câu Nam-mô A-di-đà Phật, người ấy niệm theo một câu Nam-mô A-di-đà Phật; người ấy niệm theo thiện tri thức mười câu thì người ấy liền thấy hoa sen vàng to như vầng mặt

trời đến đón rước người ấy, trong khoảnh khắc được vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

Nếu luận về người lâm chung đã từng tạo tội nặng ngũ nghịch thì người ấy có công phu gì chẳng? Người ấy có cảnh giới gì chẳng? Người ấy có thiên định gì chẳng? Giới luật, tam phước⁴, người ấy đều không có, người ấy niệm Phật cũng không có công phu, người ấy chỉ niệm theo người khác ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật... ..’, như vậy mà vẫn được Phật A-di-đà cứu độ, đây gọi là ‘xưng danh’, quả thật rất là đơn giản, Phật A-di-đà quá từ bi, sự cứu độ của Phật A-di-đà không thể nghĩ bàn!

⁴ **Tam phước:** Kinh *Quán vô lượng thọ* nói ba phước là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật ba thời:

1. Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.
2. Thọ trì tam quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi.
3. Phát bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.

Nếu Phật A-di-đà dùng sáu chữ danh hiệu cứu độ chúng ta, mà còn nói với chúng ta ‘miệng xưng Di-đà, tâm tán loạn, xưng danh đến bể cổ họng cũng uống công, vô ích’, vậy thì chẳng từ bi rồi. Huống chi chúng ta xưng danh chưa đến mức bể cổ họng, vậy thì chúng ta có phải càng uống công vô ích hơn chẳng? Nếu đúng như lời này thì Phật A-di-đà chẳng từ bi, pháp môn này chẳng thù thắng, chúng ta không thể được cứu độ.

Vì thế ở đây nói ‘xưng’, chữ ‘xưng’ của xưng danh, có ý nghĩa đặc biệt. Đại sư Thiện Đạo giải thích:

Chúng sanh xưng niệm chắc chắn được vãng sanh.

Xưng niệm đã là miệng xưng, bất luận tâm chúng ta tán loạn hay không tán loạn, cũng bất luận tâm chúng ta thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, cũng bất luận tâm chúng ta thiên định hay chẳng thiên định, những thứ này đều chẳng cần phải luận đến, chỉ cần chúng ta miệng xưng danh

hiệu, tin nhận Di-đà cứu độ, nguyện sanh về Tịnh Độ của Phật A-di-đà là được rồi; đây gọi là ‘xưng’.

Thế nên, lời giải thích của Đại sư Thiện Đạo, một chữ cũng không thể thay đổi được, vì lời giải thích này đều có ý nghĩa và nội dung xác định đặc biệt, đây mới là Tổ sư, đây mới là hóa thân Phật A-di-đà. Vậy mà, các lời giải thích sau này thường ly khai chữ ‘xưng’, như là bảo: “Bạn niệm Phật cần phải không khởi vọng tưởng tạp niệm...”. Nếu nói như thế thì đối với việc vãng sanh, hễ tâm có khởi vọng tưởng tạp niệm, thì phải hàng phục vọng tưởng tạp niệm.

Đại sư Thiện Đạo giải thích, niệm Phật lấy khẩu nghiệp làm chủ yếu, miệng xưng danh hiệu Phật A-di-đà là được rồi, vì sao? Vì đây là nương vào nguyện lực của Phật. Nguyện lực của Phật, bản thân danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật vốn tự đầy đủ, đã được thiết định ở trong bản nguyện của Phật A-di-đà. Phật A-di-đà thiết định phương pháp cứu độ chúng ta rất giản đơn, rất thuận tiện, rất dễ dàng, tức là chúng sanh chúng ta miệng xưng danh hiệu Phật thì được Phật cứu độ. Còn

người cầm thì sao? Người cầm chỉ cần miệng động môi lưỡi thì cũng được cứu. Tôi đã gặp người cầm niệm Phật, tuy người ấy niệm không rõ ràng, nhưng người ấy cũng được cứu. Giống như chúng ta ở trong chiêm bao nói năng không rõ ràng, nếu trong chiêm bao chúng ta niệm Phật thì khẳng định là cũng được cứu. Có một lần, mười người cầm đến quy y, họ niệm Phật không rõ ràng, chỉ cần họ chấp tay, cũng biểu lộ là họ đang niệm Phật, đây cũng là được cứu độ.

Vì thế, miệng xưng danh hiệu Phật A-di-đà rất giản đơn, rất dễ dàng được cứu độ. Em bé hai ba tuổi vừa biết nói, nếu bạn bảo nó: “Này bé ngoan, bé nên niệm Phật, nhưng bé chỉ niệm trong tâm, miệng không niệm”. Nếu các bà dạy con, dạy cháu niệm Phật như thế thì nó có làm được chăng? Nó chẳng biết bà bảo nó làm cái gì? Nhưng nếu bà niệm ‘A’ thì nó niệm theo ‘A’, ‘A-di-đà Phật’ thì nó niệm được. Miệng niệm Phật thì các đứa bé hai ba tuổi cũng niệm được. Chúng ta còn phiền não, còn đau khổ thì phải làm thế nào? Như trong *Quán kinh* nói, người hạ hạ phẩm cũng được vãng sanh, đây chính là nói, miệng xưng danh hiệu Phật thì dễ dàng.

‘Chuyên’

Vì sao nói ‘chuyên’? Một phương diện là Phật A-di-đà đại từ đại bi cứu độ chúng ta, “bạn nhất định cần phải niệm danh hiệu Ta (Phật A-di-đà), bạn nhất định cần phải ở trong ánh sáng nhiếp thủ của Ta, bạn nhất định chẳng nên xa rời Ta, bạn nhất định phải lên thuyền đại nguyện của Ta, sau khi lên rồi thì chẳng nên bước xuống, bạn nhất định phải ngồi trên máy bay sáu chữ danh hiệu của Ta, một khi bước vào rồi thì đóng chặt cửa không cho bạn bước ra”.

Đây mới gọi là ‘chuyên’, đây mới hiển bày được tâm từ bi của Phật A-di-đà, chẳng phải yêu cầu chúng ta một cách độc đoán: “Chỉ niệm Ta, không được niệm người khác”, Ngài không nói như thế.

Chư Phật trong mười phương pháp giới rất nhiều, pháp môn rất nhiều, nhưng chỉ có một Đức Phật phát bốn mươi tám nguyện cứu độ chúng ta, đương nhiên chúng ta phải niệm vị Phật ấy. Pháp

môn tuy nhiều nhưng chúng ta không tu nổi. Pháp môn cứu độ chúng ta mà không đòi hỏi một điều kiện nào, chỉ có pháp môn Tịnh Độ này, chúng ta đương nhiên phải niệm câu danh hiệu này! Điều này rất tự nhiên, đây gọi là ‘chuyên’ vì thế nói ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’.

Nếu chẳng chuyên, nghĩa là tâm chúng ta không tin nhận sự cứu độ của Phật A-di-đà, chẳng biết căn cơ của chính mình như thế nào, cũng chẳng rõ Phật A-di-đà là vị Phật như thế nào, trong tâm chúng ta hoài nghi thì đó là chẳng chuyên. Mọi người hãy tự xét tâm mình, nghĩ xem có phải như thế chẳng? Chúng ta đã tu niệm Phật rồi, vì sao còn muốn tu thêm pháp môn khác. Mọi người hãy nghĩ kỹ lại xem, có phải vì cảm thấy câu danh hiệu này chưa đủ, ‘niệm Phật như thế này có thể cứu được tôi không? Tôi còn chưa đạt đến thiên định, tôi còn chưa đạt đến tâm thanh tịnh, niệm câu danh hiệu Phật này có thể giải thoát sanh tử hay không? Câu danh hiệu này thật có đủ công đức chẳng? Nếu đạt không đến tiêu chuẩn, Phật có cứu tôi chẳng? Thệ nguyện của Phật có triệt để từ bi như thế chẳng?’. Chúng ta có tâm

hoài nghi thì sẽ chẳng chuyên mà còn muốn tạp. Một khi trong tâm biết trong sáu chữ danh hiệu hoàn toàn có đầy đủ công đức vãng sanh như biển chứa nhiều châu báu, không thiếu thứ gì, thì dù chúng ta muốn tạp cũng không tạp được, vì sao? Vì chú Đại bi, Thập tiểu chú, chú Lăng nghiêm, kinh Pháp hoa, kinh Hoa nghiêm, kinh Kim cang, công đức của bất cứ kinh gì, pháp gì đều nằm trong sáu chữ danh hiệu thì chúng ta làm gì còn muốn tạp nữa!

Lại nữa, tu trì các pháp môn khác, chẳng phải căn cơ của chúng ta làm nổi, dù cho chúng ta thuộc lòng kinh điển, nhưng đến lúc lâm chung đều quên hết, chẳng cần nói chi đến lúc lâm chung, ngay lúc hiện đang sống này mà nếu sức ký ức suy thoái thì chúng ta cũng chẳng nhớ được. Dù cho hiện tại chúng ta tỉnh tọ, trong tâm dường như có một chút thanh tịnh, có một chút yên tĩnh, đến lúc lâm chung cũng đều dùng không được. Chẳng nói đến lúc lâm chung, ngay cả khi bệnh nặng thì lập tức bị quật ngã.

Thời nhà Tống, có Luật sư Nguyên Chiếu, ngài là Tổ sư Luật tông, ban đầu ngài phát nguyện:

“Tôi chẳng cầu sanh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây, tôi muốn ở thế giới Ta-bà độ chúng sanh”. Phát nguyện xong, ngài tu hành rất tinh tấn dững mãi. Kết quả có một lần, ngài trải qua một phen bệnh nặng, cảm thấy thần thức mơ màng, không cách nào làm chủ được, công phu thiền định đã tu lúc bình thường không khởi được tác dụng. May thay! Căn bệnh nặng này qua khỏi, không cướp đi mạng sống của ngài, ngài được sống lại, lúc ấy mới hiểu ra rằng: Công phu tu hành lúc bình thường, đến lúc nguy cấp dựa vào không vững!

Tổ sư còn như thế, huống gì chúng ta? Vì thế, kinh chú của Thánh đạo đối với chúng ta đều là công khóa trên giấy, chúng ta không cách nào ngộ vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Nếu làm không đến thì chỉ là công phu trên cửa miệng mà thôi!

Công phu trên cửa miệng, nếu dùng niệm Phật, nhờ bản nguyện chân thật của Phật A-di-đà, bạn quyết định được vãng sanh!

Công phu trên cửa miệng, nếu dùng tụng kinh thì đạt được sự lợi ích của tụng kinh, nghĩ muốn giải thoát sanh tử luân hồi thì tìm không ra con đường, vì sao? Vì phải dựa vào sự tu hành của chính bạn (tự lực).

Công phu niệm Phật trên cửa miệng của chúng ta vì sao được vãng sanh? ‘Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật,.....’ chính là đang ngồi trên máy bay, chúng ta miệng xưng danh hiệu, nếu chẳng vãng sanh thì Phật A-di-đà chẳng thành Phật, không quan hệ gì đến cảnh giới tu hành của chúng ta. Chúng ta chỉ cần miệng xưng Nam-mô A-di-đà Phật, thì nhất định vãng sanh. ‘Chẳng thể vãng sanh? Chẳng thể vãng sanh Ta (Phật) chịu trách nhiệm! Chịu trách nhiệm như thế nào? Nếu bạn không vãng sanh thì Ta không ở ngôi Chánh giác! Ta đem công đức tu hành trải qua nhiều kiếp, được chứng quả Chánh giác ra chịu trách nhiệm!’. Phật A-di-đà hiện tại đã thành Chánh giác rồi, Ngài hiện tại đã thành Phật rồi, vì thế Đại sư Thiện Đạo giải thích: “Chúng sanh xưng niệm, chắc chắn được vãng sanh”.

Chuyên là xu hướng tất nhiên khi chúng ta tin nhận Di-đà cứu độ.

Đồng thời, câu ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’ này, chẳng phải như quan niệm của một số người cho rằng chuyên, nhưng sau đó còn có thêm một câu “Bạn phải đạt đến một trình độ công phu nào đó”. Tông chỉ của Tịnh Độ nói ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’ vốn là tiếp theo câu ‘tin nhận Di-đà cứu độ’ ở trước, nghĩa là ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’ của ‘tin nhận Di-đà cứu độ’ chứ không có mảy may quan hệ gì đến công phu của chúng ta. Như thế, tâm chúng ta có thể thân nhiên buông xuống. Đây là chúng ta ‘chuyên niệm Di-đà Phật danh’ của ‘tin nhận Di-đà cứu độ’.

Chúng ta vì sao chuyên xưng danh hiệu của Phật A-di-đà? Vì chúng ta tin theo Đức Phật này, chỉ có Đức Phật này cứu độ chúng ta. Chúng ta chỉ cần xưng danh hiệu Ngài thì được Ngài cứu độ. Vì thế, chúng ta từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, từ hôm nay cho đến ngày mai, từ ngày mai cho đến những ngày sau nữa, từ năm nay cho đến sang năm, từ hiện tại cho đến lâm chung, chúng ta đều

chuyên xưng niệm câu danh hiệu này; đây gọi là ‘chuyên xưng Di-đà Phật danh’.

Điều này mọi người chúng ta đều có thể làm đến được. Nếu điều này chúng ta làm không nổi thì chư Phật ở khắp mười phương cũng không tìm ra phương pháp nào khác để cứu chúng ta. Miệng xưng danh hiệu Phật mà chúng ta không làm được, thì không còn có phương pháp nào nữa để độ chúng ta!

Tông chỉ thứ ba:

Nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ

Câu này dễ hiểu, tức là nói, chúng ta xưng niệm danh hiệu Di-đà, mục đích chính, ý muốn căn bản của chúng ta là vãng sanh Tịnh Độ, chẳng phải là muốn khai trí huệ.

Có người niệm Phật là vì muốn được tâm thanh tịnh, đây chẳng phải là bản nguyện của Phật A-di-đà. Chúng ta niệm Phật là vì muốn sanh về Tịnh Độ của Phật A-di-đà là được rồi; tâm thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, điều này không quan hệ gì đến căn cơ của chúng ta. Người có căn cơ tốt, người ấy niệm Phật, tâm thanh tịnh. Người căn cơ không tốt, người ấy niệm Phật, tâm người ấy dù có cố gắng cũng không cách nào thanh tịnh được. Vì thế, không luận đến căn cơ chúng ta có liên quan đến tâm thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh.

Thế nên, niệm Phật vãng sanh nguyện (nguyện thứ mười tám của Phật A-di-đà), chỉ cần chúng ta nguyện sanh về Tịnh Độ của Phật

A-di-đà, cũng chẳng phải là cầu đời sau thăng quan, phát tài, đời sau được làm người có phước báo.

Tông chỉ thứ tư:

Độ khắp mười phương chúng sanh

Chỉ cần chúng ta ‘tin nhận Di-đà cứu độ, chuyên xưng Di-đà Phật danh, nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ’ thì một trăm phần trăm đều được vãng sanh; chỉ cần chúng ta vãng sanh thì một trăm phần trăm đều được thành Phật; chỉ cần chúng ta thành Phật thì một trăm phần trăm đều có thể độ khắp chúng sanh trong mười phương. Vì thế, ‘độ khắp mười phương chúng sanh’ chỉ có pháp môn Tịnh Độ mới có thể đạt đến. Nói ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ’, nếu chẳng học pháp môn Tịnh Độ này thì một chúng sanh cũng độ không xong, nói chi đến vô biên chúng sanh. Nếu tu trì pháp môn Tịnh Độ thì mới có thể thật sự độ khắp chúng sanh trong mười phương. Đây mới là Bồ-tát đạo, Bồ-đề tâm, Bồ-tát hạnh chân chính.

BỐN ĐIỂM ĐẶC SẮC CỦA TÔNG TỊNH ĐỘ



Bốn điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ :

- 1. Bản nguyện xưng danh*
- 2. Phàm phu nhập báo*
- 3. Bình sanh nghiệp thành*
- 4. Hiện sanh bất thoái*

Bốn câu gồm có mười sáu chữ, mỗi câu đều nói một vấn đề. Dưới các tiêu đề này đều sẽ dẫn dụng văn kinh có tương quan, còn có thêm lời giải thích của Tổ sư để chứng minh tính chính xác của các tiêu đề này và ý nghĩa tinh tế nội hàm trong đó.

Bây giờ tôi xin nói đơn giản, vì sao bốn câu này cấu thành đặc sắc của tông Tịnh Độ.

‘Đặc sắc’ tức là đặc biệt chỉ có pháp môn này có, mà các pháp môn khác thì không có. Chúng ta đã học tập tông Tịnh Độ, chúng ta đã tu tập pháp môn Tịnh Độ, chỉ cần nắm vững các điểm đặc sắc của pháp môn này. Nếu không nắm vững các điểm đặc sắc này thì bạn tu học tông Tịnh Độ cũng giống với các pháp môn khác, các tông phái khác, một cách mơ hồ. Vì thế, các điểm đặc sắc này rất trọng yếu.

Điểm đặc sắc thứ nhất: Bản nguyện xưng danh

Vừa rồi, chúng ta nói đến hai chữ ‘xưng danh’, xưng danh là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

Tám tông phái lớn của Phật giáo, điểm đặc sắc của Luật tông là gì? Trì giới thanh tịnh, ba nghiệp thanh tịnh là điểm đặc sắc của Luật tông. Thiền tông có điểm đặc sắc nào? Minh tâm kiến tánh là điểm đặc sắc của Thiền tông. Mật tông có điểm đặc sắc nào? Tam mật tương ứng là điểm đặc sắc của Mật tông. Tông Thiên Thai có điểm đặc sắc nào? Chỉ quán song vận, nhất tâm tam quán là điểm đặc sắc của tông Thiên Thai. Tông Duy Thức có điểm đặc sắc nào? Duy thức quán chuyển thức thành trí là điểm đặc sắc của tông Duy Thức. Tông Tịnh Độ có điểm đặc sắc nào? Bản nguyện xưng danh. Xưng danh là xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật, đây là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

Vì sao nói hai chữ ‘bản nguyện’, vì ‘xưng danh’ thì các tông các phái đều có nói đến, họ muốn cầu sanh Tịnh Độ nên họ cũng xưng danh, nhưng họ giảng xưng danh khác với chúng ta, xưng danh của tông Tịnh Độ chúng ta là xưng danh của bản nguyện. Sao gọi là xưng danh của bản nguyện? Bất luận bạn có công phu hay không có công phu, bất luận bạn trì giới thanh tịnh hay không thanh tịnh, bất luận bạn có phát Bồ-đề tâm hay không phát Bồ-đề tâm, chỉ cần miệng bạn xưng Nam-mô A-di-đà Phật, tức là thuận theo bản nguyện của Phật thì chắc chắn vãng sanh, do nương nhờ bản nguyện của Phật, đây gọi là ‘bản nguyện xưng danh’.

Hai câu: “Miệng niệm Di-đà tâm tán loạn, hét bẻ cổ họng vẫn uống công vô ích” không được gọi là bản nguyện xưng danh mà gọi là thiên định xưng danh, chẳng phải là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

Có người nói: “Bạn tuy niệm Phật, nhưng nếu trì giới không thanh tịnh thì bạn niệm Phật cũng

vô dụng”. Đây là trì giới xưng danh chứ chẳng phải bản nguyện xưng danh.

Bản nguyện của Phật A-di-đà là muốn cứu độ mười phương chúng sanh, đã bao quát chúng sanh trì giới, cũng bao quát cả chúng sanh không trì giới; đã bao quát chúng sanh thiên định, cũng bao quát cả chúng sanh tán loạn. Phật A-di-đà muốn độ mười phương chúng sanh, Ngài chẳng phải chuyên độ chúng sanh thiên định, thế tại sao lại hạn định nói, nhất định phải có công phu thiên định?

Cũng có người nói: “Tôi tuy xưng danh mà nếu không có phát Bồ-đề tâm thì xưng danh cũng vô dụng”. Đây gọi là phát Bồ-đề tâm xưng danh.

Bản nguyện trì danh ư! Bạn có năng lực phát Bồ-đề tâm cũng được, không phát Bồ-đề tâm cũng được; mười phương chúng sanh chỉ cần xưng danh thì được cứu độ.

Vì thế, xưng danh của tông Tịnh Độ là bản nguyện xưng danh. Bản nguyện xưng danh là chuyên xưng danh hiệu Phật A-di-đà. Bất luận

công phu sâu cạn, bất luận tâm thanh tịnh hay không thanh tịnh, bất luận người xuất gia hay tại gia, tất cả thân phận đều không luận, chỉ cần miệng xưng danh hiệu. Miệng xưng danh hiệu là nương nhờ nguyện lực của Phật thì chắc chắn được vãng sanh; đây là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

Điểm đặc sắc thứ hai: Phàm phu nhập báo

‘Phàm phu nhập báo’ vì sao là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ? Đầu tiên, các tông phái khác tiếp nhận căn cơ, chủ yếu là căn cơ thánh nhân. Thí như trì giới thanh tịnh, việc này đâu phải dễ!; minh tâm kiến tánh, việc này đâu phải dễ!; chuyển thức thành trí, việc này đâu phải dễ! Chỉ quán song vận, việc này đâu phải dễ! Các tông phái này đều lấy căn cơ thánh nhân làm đối tượng chính, chẳng phải lấy phàm phu làm gốc.

Đặc biệt, ‘Bản nguyện xưng danh’ lấy phàm phu làm gốc. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, tâm ý tán loạn, tội nghiệp bất tịnh, chỉ cần miệng niệm Nam-mô A-di-đà Phật là được rồi, vì thế nói là ‘phàm phu’.

‘Nhập báo’ nghĩa là chúng ta miệng xưng Nam-mô A-di-đà Phật, nương nhờ bản nguyện của Phật thì được những sự lợi ích nào? Chẳng phải vãng sanh Phàm thánh đồng cư độ, chẳng

phải vãng sanh Biến hóa độ, mà là vãng sanh đến Báo độ của Phật A-di-đà. Đây là giáo lý đặc biệt chỉ có trong tông Tịnh Độ, các tông phái khác không có. Tông Thiên Thai nói: Phàm phu niệm danh hiệu cũng có thể vãng sanh, nhưng vãng sanh về Phàm thánh đồng cư độ ở phương khác, điều này chẳng phải là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

‘Phàm phu nhập báo’ là nội dung trọng yếu thuộc về tiêu chuẩn trong *Quán kinh số* của Đại sư Thiện Đạo. Phàm phu tội nghiệp sâu nặng, tu hành không đạt đến cảnh giới cao thì làm sao có thể vãng sanh về Báo độ của Phật? Do vì người ấy nương vào bản nguyện xưng danh (nguyện thứ mười tám) của Phật A-di-đà, do vì người ấy đã xưng danh hiệu Phật A-di-đà, dựa vào duyên bản nguyện của Phật A-di-đà. Vì thế, đây là điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ mà các tông phái khác không có.

Nếu chúng ta học tông Tịnh Độ, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật mà còn tự hỏi vãng sanh ở đâu trong bốn độ: Phàm thánh đồng cư độ,

Phương tiện hữu dư độ, Thật báo trang nghiêm độ, Thường tịch quang độ thì có thể nói là bạn chẳng biết điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ, cũng chẳng biết tông chỉ của tông Tịnh Độ, bạn cũng không có học tông Tịnh Độ, bạn là người học pháp môn Tịnh Độ của tông Thiên Thai, chứ chẳng phải pháp môn Tịnh Độ của tông Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh Độ có các cách thức của pháp môn Tịnh Độ như là có pháp môn Tịnh Độ thuần chánh, có pháp môn Tịnh Độ xen tạp, có pháp môn Tịnh Độ của tông Thiên Thai, có pháp môn Tịnh Độ của Thiên tông, có pháp môn Tịnh Độ của tông Duy Thức, có pháp môn Tịnh Độ của Mật tông, có pháp môn Tịnh Độ của Luật tông. Pháp môn Tịnh Độ được Đại sư Thiệu Đạo giải thích mới là pháp môn Tịnh Độ cứu được bọn phạm phu chúng ta. Các tông phái khác nói, là pháp môn Tịnh Độ dành cho bậc thượng căn lợi trí. Thí như nói: “Miệng niệm Di-đà tâm tán loạn, hét bể cổ họng cũng uống công vô ích”. Tốt! “Tôi đạt đến, tâm tôi không tán loạn’ thì mới phù hợp với điều kiện ấy, nhưng chúng ta thì làm không nổi. Chúng ta đã làm không nổi thì phải làm sao

bây giờ? Chúng ta phải y cứ vào lời giải thích của Đại sư Thiện Đạo. Vì thế, chúng ta phải chuyên đọc các trú tác của ngài, chuyên xem các sách giải thích các trú tác của Đại sư Thiện Đạo thì bảo chúng người ngu tối, người không có lòng tin rồi cũng bừng tỉnh ra biết rằng mình vốn có phần được vãng sanh! Lúc ấy bạn mới biết, Phật A-di-đà vì sao được gọi là Vô Lượng Quang Phật. Vô Lượng Quang Phật là vì ánh sáng của Ngài chiếu phá vô minh hắc ám trong tâm chúng ta.

Nếu trong tâm chúng ta vẫn còn sợ hãi việc lớn sanh tử, còn vô minh hắc ám, miệng chúng ta gọi mãi Vô Lượng Quang Phật mà Phật không quan tâm đến thì đâu được gọi là ‘Phật quang phổ chiếu’. Cái chỗ nhỏ này mà Phật không chiếu tới thì đâu được gọi là ‘Phật quang phổ chiếu’?

Học tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo, xem ba bộ kinh nói về Tịnh Độ, bạn có thể hiểu, nhưng xem đến mức tâm rất an, thì bạn phải xem đến mức thấu triệt thì bạn mới không nói hai câu: “Miệng niệm Di-đà tâm tán loạn, hét bể cổ họng

cũng uống công vô ích”. Hai câu này đối với tông Tịnh Độ chỉ là lời nói của người ngoài.

Nếu hiểu rõ được tư tưởng Tịnh Độ của Đại sư Thiện Đạo thì bạn sẽ sáng mắt ra. Vì thế, mọi người cần nên hiểu các điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ.

Điểm đặc sắc thứ ba:

Bình sanh nghiệp thành

‘Bình sanh’ là giai đoạn thời gian chúng ta đang sống, đối lại với lúc lâm chung (chết).

‘Nghiệp thành’, ‘nghiệp’ tức là tịnh nghiệp vãng sanh Tịnh Độ, việc này thành tựu rồi, không còn cải biến, hoàn thành rồi. Như thân thể chúng ta hiện nay đang sống khỏe mạnh mà việc vãng sanh của chúng ta chắc như đinh đóng vào cột, thì gọi là ‘bình sanh nghiệp thành’.

Sao gọi là ‘lâm chung nghiệp thành’? Nghĩa là lúc lâm chung thành tựu vãng sanh. Người suốt đời không gặp Phật pháp, không có niệm Phật, đến lúc lâm chung mới gặp thiện tri thức dạy niệm Nam-mô A-di-đà Phật, như đã nói, đó là người hạ phẩm hạ sanh, người ấy niệm mười câu danh hiệu Phật, Phật đến cứu người ấy, Phật A-di-đà hiện ra đứng trong hư không đón tiếp, người ấy theo Phật A-di-đà vãng sanh đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Đây gọi là ‘lâm chung nghiệp thành’.

Mời quý vị chấp tay niệm ba câu: Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô A-di-đà Phật.

Nếu có quý vị đến đây mà từ trước đến nay chưa từng niệm Phật, đột nhiên được niệm Phật; cả đời chưa từng tiếp xúc qua Phật pháp, hôm nay đột nhiên được tiếp xúc. Nếu vừa niệm ba câu danh hiệu Phật mà tắt thở thì quý vị lập tức vãng sanh Tây phương, đây gọi là ‘lâm chung nghiệp thành’. Chúng ta đang ngồi ở đây, nếu tin nhận Di-đà cứu độ, chuyên xưng Di-đà Phật danh, thì mỗi người quý vị đều được gọi là ‘hiện sanh nghiệp thành’, việc vãng sanh Tây Phương của chúng ta đã quyết định rồi. Đến lúc lâm chung dù chết trong tình huống nào cũng không quan hệ.

Nếu chẳng phải như thế thì tâm chúng ta bất an. Tỷ như nói, lúc lâm chung, chẳng may bị xuất huyết não, hoặc có chướng ngại nào đó, giống như thuyền mười giờ khởi hành, mà chín giờ ba mươi, người đó đã ngồi trên thuyền rồi, lúc chín giờ năm mươi tám phút, người đó ngủ, cũng chẳng quan hệ gì! Không có vấn đề gì! Thần lực

của Phật A-di-đà vô ngại, nếu Ngài chẳng cứu bạn đang xuất huyết não thì Ngài đâu thể cứu bạn đến thế giới Cực Lạc? Vì thế, vốn chẳng thành vấn đề! Chúng ta cho đây là vấn đề lớn, nhưng đối với Phật A-di-đà thì chẳng thành vấn đề, vì Ngài đã sớm nhiếp thủ chúng ta trong ánh sáng của Ngài rồi. Vì thế, tội chướng, oan trái của chúng ta, đối với Ngài chẳng thành vấn đề, tự nhiên Ngài cứu bạn đến thế giới Cực Lạc ở phương Tây.

Điểm đặc sắc thứ tư: Hiện sanh bất thoái

Nói: “Vãng sanh thế giới Cực Lạc, đến đó rồi mới được bất thoái chuyển, sau đó dần dần tu hành, chỉ có tiến, không có thoái, từ từ thành Phật”. Đây chẳng phải là quan niệm của tông Tịnh Độ.

Điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ là chúng ta ở thế giới Ta-bà này, đem thân phàm phu đắc quả vị Bất thoái chuyển. Tại sao có thể được như thế? Như tôi đã nói, chúng ta ngồi trên chiếc máy bay sáu chữ danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật, chỉ có tiến mà không có thoái. Ngồi trên thuyền đại nguyện của Phật A-di-đà thì chỉ có tiến, không có thoái. Được ánh sáng của Phật A-di-đà nhiếp thủ, chẳng rời bỏ, nên chúng ta được bất thoái chuyển, đây là Phật lực, chẳng phải dựa vào tự lực. Nếu dựa vào tự lực thì chúng ta dễ bị thoái chuyển, dễ bị đọa lạc.

Vì thế, ‘hiện sanh bất thoái’ này chỉ cho cái gì? Một khi chúng ta đến thế giới Cực Lạc thì mau thành Phật, không có cái gọi là ‘dần dần tu hành, từ từ thành Phật’. Hiện tại ở thế giới Ta-bà ‘hiện sanh bất thoái’, một khi đến Tịnh Độ Cực Lạc thì mau thành Phật. Thế nên, trong *luận Vãng sanh*, Bồ-tát Thiên Thân nói:

*Mau chóng đắc A-nậu-đa-la
tam-miệu tam-Bồ-đề.*

Và nói:

*Quán sức bản nguyện Phật
Không phải là vô ích,
Mà mau chóng đầy đủ
Báu công đức như biển.*

Mau đầy đủ của báu công đức nhiều như châu báu trong biển cả. Vì thế, nguyện thứ hai mươi hai trong bốn mươi tám nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng là ‘tốc thành Phật nguyện’. Ngài nói, người vãng sanh về cõi nước của Ngài thì:

*Siêu việt thường luân chư địa chi hạnh,
hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức”
(Vượt qua hạnh của các Địa theo lệ thường,
hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền).*

Sao gọi là ‘vượt qua hạnh của các Địa theo lệ thường’? ‘Thường luân’ (lệ thường) nghĩa là các thứ lớp bình thường từ Sơ địa lên Nhị địa, Tam địa, Tứ địa v.v..., dần dần tu lên. Nhưng đến thế giới Cực Lạc thì không phải trải qua thứ lớp như thế.

Như đi thang bộ thì phải bước từng bậc thang, lên từng tầng lầu, còn nếu đi thang máy thì không cần phải bước từng nấc thang như đi bộ. Đây gọi là ‘siêu việt’ (vượt qua).

Chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc ở phương Tây, chẳng cần tu tập dần dần trải qua năm mươi mốt giai vị. Tại thế giới Ta-bà này hiện sanh bất thoái, đến thế giới Cực Lạc rồi, ‘vượt qua hạnh của các Địa theo lệ thường’ lập tức lên đến tầng cao nhất, được vô lượng quang, vô lượng thọ như Phật A-di-đà, nhưng chẳng hiển hiện quả vị

Phật, vì ở Cực Lạc chỉ có một Đấng giáo chủ là Phật A-di-đà, vì thế chỉ hiển hiện thân phận là Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ, cho nên gọi là ‘vượt qua hạnh của các Địa theo lệ thường’.

‘Hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền’: ‘Hiện tiền’ là chẳng cần đợi đến ngày mai, chẳng cần đợi đến niệm thứ hai, ngay nơi đây, hiện tại, lập tức thì gọi là ‘hiện tiền’. Lập tức giống như Đại nguyện vương Phổ Hiền Bồ-tát, trở vào Ta-bà triển hiện đức của đại nguyện thì gọi là ‘Hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền’.

Vì thế, pháp môn Tịnh Độ rất siêu việt, trên đây là các điểm đặc sắc của pháp môn Tịnh Độ mà các tông phái khác không có. Các pháp môn khác giải thích đều là trì hoãn hơn, khó khăn hơn, không có sự thù thắng như ở đây đã giải thích.

Ghi nhớ trong lòng

Chúng ta phải ghi nhớ trong lòng tông chỉ⁵ và bốn điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ⁶ rồi tư duy thì sẽ tăng thêm pháp hỷ, có thể giúp chúng ta khai trí huệ, cảm thấy pháp môn Tịnh Độ thật là thù thắng, chúng ta thật sự có phần vãng sanh.

⁵ **Tông chỉ của tông Tịnh Độ:**

Tin nhận Di-đà cứu độ
Chuyên xưng Di-đà Phật danh
Nguyện sanh Di-đà Tịnh Độ
Quảng độ thập phương chúng sanh.

⁶ **Bốn điểm đặc sắc của tông Tịnh Độ:**

Bản nguyện xưng danh
Phàm phu nhập báo
Bình sanh nghiệp thành
Hiện sanh bất thoái.

PHẦN PHỤ



Mười điều tâm niệm của người niệm Phật

1. Cung kính tín thuận Di-đà; quan tâm yêu thương giúp đỡ người khác; đối với bản thân thì khiêm hạ, nhu hòa.
2. Giữ luân thường đạo lý, hết lòng làm tròn bổn phận, bỏ việc tà vạy, giữ lòng chân thành; phụng sự việc công, tuân thủ pháp luật, làm người dân lương thiện.
3. Tự biết mình là kẻ ngu si, tội ác hơn người khác; không có một chút tư cách để đánh giá người khác.

Chẳng nói thị phi, chẳng nghe thị phi, chẳng truyền đạt thị phi, chẳng so sánh thị phi.

Chẳng tìm lỗi người, chẳng nói lỗi người, chẳng kể việc riêng tư của người, chẳng tranh nhân ngã.

Chẳng trái nhân quả, chẳng ôm lòng oán hận, chẳng có tâm giả dối, dua nịnh.

4. Kính yêu hòa thuận với lục thân quyến thuộc, tôn sùng đức hạnh, phát tâm nhân từ, thích tu kính nhường.

Vẻ mặt hiền hòa, lời nói dịu dàng, vui vẻ mỉm cười, thương tưởng chúng sanh, ân cần với người.

Khiêm hạ cung kính, chẳng khởi tâm kiêu mạn, thường thấy hổ thẹn, muốn báo đáp ân Phật.

5. Giúp người an tâm, giúp người vui vẻ, giúp người hy vọng, giúp người lợi ích.

Xử sự với lòng chân thật, với lòng yêu thương, với lòng biết ơn, với lòng cung kính.

Xử sự phải nắm lấy nguyên tắc căn bản, đồng thời phải khéo biết chừng mực.

Xử sự đứng trên lập trường của đối phương để dễ thông cảm tha thứ.

Xử sự phải tự mình cam chịu thiệt thòi, không so đo tính toán.

6. Học tâm đại bi của Phật, Phật A-di-đà đối với ta như thế nào thì ta đối với người khác cũng như thế ấy.

7. Sinh hoạt phải giản đơn, chân chất thật thà.

Nói năng phải thành khẩn, hòa nhã.

Oai nghi phải khoan thai, không vội vàng hấp tấp.

8. Chối tội, cướp công là hành vi của kẻ tiểu nhân; giấu tội, khoe công cũng là việc bình thường của mọi người.

Nhường điều tốt đẹp, công lao cho người là hạnh của người quân tử.

Chia sẻ điều xấu của người, cùng gánh lấy lỗi lầm với người dù mình không phạm để cho người giảm bớt áp lực là điều mà người có đức hạnh sâu dày phải làm.

9. Quy luật vận hành của trời đất (luật nhân quả), kẻ kiêu mạn tự mãn thì bị tổn phước, người khiêm tốn thì được giúp cho càng đầy đủ.

Trời đất, quý thần và mọi người đều ghét kẻ kiêu ngạo tự mãn thì kẻ ấy làm sao không bị tai họa? Người khiêm hạ tích đức được trời đất, quý thần và mọi người ủng hộ thì làm sao mà không phát đạt và hưởng được nhiều phước?

10. Người ở địa vị thấp hèn muốn hiển đạt, trước tiên phải làm cho người khác cảm nhận rằng người ấy có đức khiêm hạ. Vì người ấy có đức khiêm hạ, mới có thể nhận lãnh những lời dạy hay, cho nên người ấy được lợi ích vô cùng.

(Pháp sư Huệ Tịnh soạn)

SÁCH TÙY THÂN – HỆ GIÁO NGHĨA

MÃ SÁCH 編 號	TÊN SÁCH 書 名
BT01	TÔNG CHỈ TÔNG TỊNH ĐỘ 淨土宗宗旨
BT02	MỤC ĐÍCH CỦA ĐỜI NGƯỜI 人生之目的
BT03	TIẾNG GỌI CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ 彌陀的呼喚
BT04	NIỆM PHẬT CHẮC CHẴN VẮNG SANH 念佛必定往生
BT05	NIỆM PHẬT MỘT MÔN THÂM NHẬP 念佛一門深入

